

LỊCH SỬ VN TỪ 1919 - 1930

VẤN ĐỀ 1: NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI CỦA VN TỪ 1919 - 1930

I. Chính sách thống trị của TD Pháp ở VN sau cttg I

1. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai

*** Nguyên nhân**

- Sau cttg I Pháp thắng trận nhưng bị chiến tranh tàn phá nặng nề: SX giảm sút, mất thị trường đầu tư vào Nga, trở thành con nợ lớn của Mĩ...
- Để bù đắp những thiệt hại trong chiến tranh và khôi phục vị thế của mình, Pháp tiến hành khai thác các thuộc địa, đặc biệt là Đông Dương.

*** Quá trình khai thác (nội dung)**

- Tăng cường đầu tư vào Đông Dương: từ 1924 đến 1929 tổng vốn đầu tư tăng 6 lần
- Ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp (chiếm 1/3 tổng vốn đầu tư), chủ yếu lập đồn điền cao su: d/tích trồng cao su tăng, nhiều công ty trồng cao su ra đời.
- Công nghiệp: chú trọng đầu tư khai thác mỏ, trước hết là mỏ than, ngoài ra còn có mỏ thiếc, kẽm, sắt... Một số cơ sở chế biến được mở rộng.
- Thương nghiệp: nắm độc quyền thị trường VN bằng hàng rào thuế quan, ngoại thương tăng trưởng hơn trước, nội thương được đẩy mạnh, ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy nền kinh tế.
- GTVT: phát triển để phục vụ như cầu khai thác, vận chuyển nguyên vật liệu, lưu thông hàng hóa: các tuyến đường sắt, đường bộ, đường thủy, cảng biển được mở rộng.
- Tài chính: tăng thuế, độc quyền thuế muối, rượu, thuốc phiện. Ngân hàng Đông Dương nắm quyền chỉ huy nền kinh tế.

2. Chính sách thống trị về chính trị, văn hóa, giáo dục

*** Chính trị:**

- Tăng cường cai trị bằng bộ máy q/sự, cảnh sát, mật thám, nhà tù.
- Tiến hành một số cải cách chính trị: đưa thêm người Việt vào bộ máy chính quyền, lập viện dân biểu Bắc Kỳ, Trung Kỳ.

*** Văn hóa, giáo dục**

- Khuyến khích xuất bản sách báo có chủ trương “ Pháp – Việt đề huề”
- Các trào lưu tư tưởng, khoa học – kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật phương Tây có điều kiện phát triển.

- Xóa bỏ hệ thống trường Hán học, mở rộng hệ thống giáo dục Pháp – Việt.

II. Những chuyển biến mới về kinh tế và giai cấp xã hội ở Việt Nam sau cttg I. Thái độ chính trị của các giai cấp đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

1. Chuyển biến về kinh tế

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp làm cho k/tế VN có bước phát triển nhất định: nhiều nhà máy, xí nghiệp, đồn điền xuất hiện, nhiều trung tâm k/tế- c/trị ra đời, một số công trình giao thông lớn được xây dựng.

- Tuy nhiên, k/tế VN cơ bản vẫn là k/tế nông nghiệp, phát triển què quặt, lạc hậu mất cân đối và lệ thuộc vào k/tế Pháp.

2. Những chuyển biến về giai cấp xã hội

- G/c địa chủ: bị phân hóa

+ Đại địa chủ: được TD Pháp nuôi dưỡng làm tay sai cho Pháp, bóc lột và đàn áp ND ta

→ là kẻ thù của CMVN.

+ Trung và tiểu địa chủ: cũng bị TD Pháp chèn ép, có tinh thần yêu nước

→ tham gia đ/ tranh chống TD PK khi có điều kiện

- G/c nông dân: chiếm hơn 90% d/số, bị TD PK áp bức, bóc lột và đàn áp nặng nề: một phần nhỏ được nhận vào làm trong các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền; còn phần đông vẫn là tá điền

→ bị bản cùng hóa, là lực lượng CM to lớn.

- G/c tư sản VN: ra đời sau cuộc cttg I, tiêu biểu có: Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Hữu Thu, Trương Văn Bền,... G/cấp tư sản VN mới ra đời nên bị tư bản Pháp chèn ép, số lượng ít, thế lực k/tế yếu. Đến 1 giai đoạn nhất định thì phân hóa thành 2 bộ phận:

+ TS mại bản: có quyền lợi gắn liền với đế quốc → là đối tượng của CM.

+ TS d/tộc: ít nhiều có tinh thần d/tộc nhưng có quan hệ nhất định với TD PK nên không kiên định, dễ thỏa hiệp, không thể lãnh đạo CM → là 1 lực lượng của CM.

- G/c TTS: tăng nhanh, thành phần phức tạp: hs-sv, công chức, viên chức, người buôn bán nhỏ,... cũng bị Pháp chèn ép, có tinh thần d/tộc. Đặc biệt bộ phận trí thức dễ tiếp thu những tư tưởng tiến bộ → là lực lượng CM quan trọng nếu được giác ngộ, rèn luyện.

- G/c công nhân: phát triển nhanh về số lượng và chất lượng, đến 1929 có 22 vạn người. Ngoài những đặc điểm chung của công nhân t/giới, còn có những đặc điểm riêng:

- + Ra đời trước g/c TS.
 - + Chịu 3 tầng áp bức bóc lột.
 - + Có quan hệ gắn bó với nông dân.
 - + Kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc.
 - + Sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu CMVS và tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin.
- CNVN mới lớn lên đã được ảnh hưởng mạnh mẽ của PTCM t/giới, nhất là CMT10 nga→ Có khả năng trở thành lãnh đạo của CMVN.

VẤN ĐỀ 2: PTCMVN TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

Quá trình hoạt động của NAQ (1919 – 1930). Vai trò của NAQ đối với CM VN giai đoạn này?

1. Vài nét về tiểu sử NAQ

- NAQ tên thật là Ng Sinh Cung (sau là Ng Tất Thành), sinh ngày 19/5/1890 tại làng Kim Liên (Nam Đàn – Nghệ An)
- Xuất thân trong 1 gia đình trí thức yêu nước, từ 1 vùng quê có truyền thống đấu tranh CM mạnh mẽ
- Chứng kiến sự thất bại của các cuộc đấu tranh chống Pháp, tiếp xúc với nhiều nhà CM đương thời → sớm có ý chí đuổi thực dân, g/p đồng bào.
- Xuất phát từ lòng yêu nước và trên cơ sở sự thất bại của các thế hệ CM tiền bối, 5/6/1911 NAQ quyết định ra đi tìm đường cứu nước.

2. Quá trình hoạt động (1919-1930)

- Sau nhiều năm bôn ba khắp các châu lục, NAQ về Pháp, 1919 tham gia Đảng Xã hội Pháp.
- 6/1919 thay mặt những người VN yêu nước gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam lên HN Vec-xai đòi tự do, d/chủ và quyền tự quyết d/tộc. Tuy không được chấp nhận nhưng đã gây được tiếng vang lớn.
- 7/1920 NAQ đọc được bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về v/đề d/tộc và thuộc địa của Lênin. Từ đây Người đã tìm thấy con đường g/p d/tộc là con đường CMVS.
- Tại ĐH lần thứ 18 Đảng xã hội Pháp (25/12/1920) bỏ phiếu tán thành gia nhập Q/tế CS và tham gia sáng lập ĐCS Pháp. → Trở thành người CSVN đầu tiên. Đánh dấu bước ngoặt từ chiến sĩ yêu nước trở thành một chiến sĩ CS.
- 1921 cùng một số người yêu nước của các thuộc địa khác thành lập Hội liên hiệp thuộc địa đoàn kết các d/tộc thuộc địa cùng chống chủ nghĩa thực dân. Ra báo Người cùng khổ làm cơ quan ngôn luận của hội.
- Tại Pháp, Người tham gia viết bài cho nhiều tờ báo tiến bộ như: báo Nhân đạo, Đời sống công nhân, đặc biệt viết tác phẩm Bản án chế độ TD Pháp tố cáo tội ác của TD Pháp ở các thuộc địa và truyền bá tư tưởng Mác-Lênin.
- 6/1923 Người sang Liên Xô dự HN q/tế nông dân (10/1923) và ĐH V Q/tế CS (1924)
- 11/1924 về Quảng Châu (TQ) để tập hợp những người VN yêu nước ở đây để tuyên truyền, giáo dục CM.

- 6/1925 cùng 1 số nhà yêu nước khác lập Hội VNCOMTN, xuất bản báo Thanh niên làm cơ quan ngôn luận.
- Tại Quảng Châu, Người đã mở nhiều lớp huấn luyện, đào tạo bồi dưỡng cán bộ CM. Sau đó đưa về nước hoạt động hoặc gửi sang học trong các trường ở Liên Xô và Trung Quốc. Các bài giảng của Người đã được tập hợp thành cuốn sách “Đường cách mệnh”.
- Dưới sự lãnh đạo của NAQ, Hội VNCOMTN thực hiện “ Vô sản hóa” truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và phát triển hội viên ở khắp nơi.
- Hoạt động của NAQ và Hội VNCOMTN đã thúc đẩy PTMNVN phát triển, hình thành 3 tổ chức CS trong năm 1929. Đến cuối 1929 sự hoạt động riêng lẻ của 3 tổ chức CS đặt ra yêu cầu phải thống nhất các tổ chức CS thành một đảng duy nhất lãnh đạo PT.
- Với danh nghĩa phái viên Q/tế CS, NAQ đã triệu tập và chủ trì HN hợp nhất 3 tổ chức CS tại Cửu Long (Hương Cảng – TQ) từ 6/1/1930 đến 8/2/1930.
- HN đã nhất trí hợp nhất 3 tổ chức CS thành 1 đảng duy nhất lấy tên là ĐCSVN, thông qua cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

3. Vai trò của NAQ đối với CMVN giai đoạn 1919-1930

- NAQ là người đầu tiên đến được với chủ nghĩa Mác-Lênin và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho CMVN – con đường CM Vô sản.
- Chuẩn bị về mặt tư tưởng c/trị, cán bộ và tổ chức cho sự thành lập ĐCSVN.
- + Cụ thể hóa và tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về nước.
- + Huấn luyện, đào tạo cán bộ CM.
- + Thành lập Hội VNCOMTN là tổ chức tiền thân của ĐCSVN.
- Trực tiếp chủ trì HN hợp nhất các tổ chức cộng sản đầu năm 1930, sáng lập ĐCSVN và soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên đặt cơ sở cho đường lối CMVN.

VẤN ĐỀ 4: VN THANH NIÊN CM ĐỒNG CHÍ HỘI VÀ TÂN VIỆT CM ĐẢNG RA ĐỜI.

1. Hội VNCOMTN

*** Quá trình thành lập**

- 11/1924 NAQ đến Quảng Châu (Trung Quốc) mở các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ CM.
- 2/1925 Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã lập ra nhóm CS đoàn.
- 6/1925 dựa trên nhóm CS đoàn, NAQ đã thành lập Hội VNCOMTN.

*** Mục đích hoạt động:** Tập hợp, tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh lật đổ ĐQ Pháp và PK tay sai để giành độc lập và chính quyền về tay nhân dân.

*** Tổ chức**

- Chia thành 5 cấp: Tổng bộ - Kì bộ - Tỉnh bộ - Huyện bộ - Chi bộ cơ sở. Trụ sở Tổng bộ tại Q/Châu (TQ)
- Xây dựng và phát triển hội viên trên khắp cả nước.

*** Hoạt động**

- 21/6/1925 xuất bản báo Thanh niên làm cơ quan ngôn luận của hội.
 - Đầu 1927 xuất bản tác phẩm “Đường khách mệnh” để trang bị lý luận cách mạng cho cán bộ của Hội và truyền bá đến các giai cấp tầng lớp trong nhân dân. Trong tác phẩm nêu lên những vấn đề cơ bản về sách lược và chiến lược của cuộc CM ở VN, trong đó 3 tư tưởng lớn là: CM là sự nghiệp của quần chúng; CM phải có Đảng của CN Mac-Lênin lãnh đạo; CM trong nước phải đoàn kết với g/cấp vô sản t/giới và là một bộ phận của CM t/giới.
 - Mở các khóa huấn luyện c/trị cho hội viên về CN Mac-Lênin và đ/lối, phương pháp CM. Từ 1924 đến 1927 đào tạo được 75 hội viên, một số được cử đi học ở Liên Xô, TQ, còn phần lớn được đưa về nước hoạt động.
 - Cuối năm 1928 thực hiện “Vô sản hóa”: đưa cán bộ hội viên về các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền cùng sống với công nhân để tự rèn luyện mình và tuyên truyền vận động CM cho công nhân
- PTCN phát triển mạnh mẽ, trở thành PT nòng cốt trong PTDT.

*** Vai trò**

Chuẩn bị cơ sở t/chức, đào tạo cán bộ, truyền bá CN Mac-Lênin cho sự ra đời của ĐCSVN → là tiền thân của ĐCSVN.

2. Tân Việt CM đảng

- **Quá trình thành lập:** 14/7/1925 1 số tù chính trị ở Trung Kỳ và nhóm SV trường Cao đẳng sư phạm Hà Nội thành lập Hội Phục Việt. Qua nhiều lần đổi tên đến 14/7/1928 lấy tên Tân Việt cách mạng đảng.

- **Tổ chức:**

+ Thành phần tham gia: chủ yếu là trí thức, TTS yêu nước.

+ Địa bàn hoạt động: chủ yếu ở Trung Kỳ.

- **Mục đích hoạt động:** lãnh đạo quần chúng trong nước, liên lạc với các d/tộc bị áp bức trên t/giới đánh đổ CNĐQ, thiết lập xã hội bình đẳng, bác ái.

- **Hoạt động:**

+ Chịu ảnh hưởng của Hội VNCOMTN → 1 số hội viên gia nhập Hội VNCOMTN.

+ Số còn lại tích cực chuẩn bị thành lập chính đảng CM theo CN Mac-Lênin.

VẤN ĐỀ 5: VN QUỐC DÂN ĐẢNG VÀ KHỞI NGHĨA YÊN BÁI

1. VN Quốc dân đảng.

- 25/12/1927, trên cơ sở Nam Đồng thư xã, Ng Thái Học, Phó Đức Chính... đã thành lập VN Quốc dân đảng. Là một t/chức chính trị theo xu hướng CMDCTS tiêu biểu cho bộ phận TSĐTVN.

- Mục đích:

+ Lúc đầu chưa xác định rõ, chỉ nêu trước làm d/tộc CM, sau làm t/giới CM.

+ Từ 1929 trong “Chương trình hành động” của Đảng nêu tư tưởng “Tự do- Bình đẳng-Bác ái” và xác định đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

- Tổ chức:

+ Thành phần phức tạp: trí thức, người làm nghề tự do, kì hào, địa chủ, binh lính...

+ Tổ chức thành 4 cấp nhưng chưa bao giờ trở thành một hệ thống trong cả nước.

+ Địa bàn hoạt động hẹp, trong 1 số tỉnh Bắc Kỳ.

2. Khởi nghĩa Yên Bái (2/1930)

- 2/1929 ở Hà Nội xảy ra vụ ám sát trùm mộ phu Badanh → Pháp tiến hành khủng bố trắng, nhiều Đảng viên bị bắt, cơ sở đảng tan vỡ. Riêng VNQDD do t/chức lỏng lẻo, thành phần phức tạp nên bị tổn thất nặng nề. Những thủ lĩnh còn lại của Đảng quyết định dốc hết lực lượng còn lại vào trận bạo động cuối cùng với phương châm “Không thành công thì cũng thành nhân”

- 9/2/1930 khởi nghĩa nổ ra ở Yên Bái, Phú Thọ, Sơn Tây, Hà Nội cũng có ném bom phối hợp. Ở Yên Bái nghĩa quân đã chiếm được trại lính, giết một số sĩ quan Pháp, nhưng không làm chủ được tỉnh lỵ nên sau đó bị Pháp phản công và tiêu diệt. Ở các địa phương khác nghĩa quân cũng chỉ tạm thời làm chủ mấy quận lỵ nhỏ.

- Khởi nghĩa thất bại nhanh chóng và bị Pháp đàn áp man rợ.

- Nguyên nhân thất bại: tổ chức thiếu chu đáo, kế hoạch bị động, Pháp đang mạnh.

- Ý nghĩa:

+ Cổ vũ lòng yêu nước, ý chí căm thù giặc của nhân dân ta.

+ Đánh dấu sự thất bại của PT đấu tranh theo khuynh hướng DCTS.

VẤN ĐỀ 6: BA TỔ CHỨC CỘNG SẢN NỐI TIẾP NHAU RA ĐỜI TRONG NĂM 1929

- Năm 1929 PT d/tộc d/chủ ND ở VN phát triển mạnh mẽ → đòi hỏi phải có 1 chính đảng đứng ra lãnh đạo.
 - 3/1929 một số hội viên Hội VNCOMTN Bắc Kỳ đã họp ở số 5D Hàm Long lập ra chi bộ CS đầu tiên. Tại đại hội I của Hội, họ đề nghị thành lập ĐCS thay thế Hội VNCOMTN nhưng không được chấp nhận. Vì vậy họ bỏ về nước.
 - 17/6/1929 đại biểu của những chi bộ CS ở Bắc Kỳ đã thành lập Đông Dương CS đảng. Thông qua tuyên ngôn, điều lệ, ra báo Búa liềm và cử BCH TW của Đảng.
 - 8/1929 các đại biểu của tổng bộ và kì bộ Nam Kỳ của Hội VNCOMTN đã thành lập An Nam CS đảng. 10/1929 thông qua đường lối c/trị và bầu BCH TW Đảng.
 - 9/1929 những người giác ngộ CS trong Tân Việt CM đảng đã tuyên bố thành lập Đông Dương CS liên đoàn.
- Đây là xu thế khách quan của cuộc vận động đấu tranh theo con đường CMVS.
- 3 tổ chức hoạt động riêng lẻ, tranh giành quần chúng → gây chia rẽ trong phong trào → yêu cầu thành lập 1 chính đảng duy nhất.

LỊCH SỬ VIỆT NAM (1930-1945)

VẤN ĐỀ 7: ĐCSVN RA ĐỜI

1. Hội nghị thành lập ĐCSVN

a. Hoàn cảnh triệu tập Hội nghị

- Năm 1929, PTCN và PT yêu nước VN phát triển mạnh đòi hỏi phải có 1 chính đảng duy nhất lãnh đạo.
- 3 tổ chức CS ra đời và hoạt động riêng lẻ, tranh giành quyền chúng gây chia rẽ PT.
- Từ ngày 6/1 đến ngày 8/2/1930, NAQ với vai trò là phái viên của Q tế CS đã triệu tập hội nghị đại biểu các tổ chức CS tại Cửu Long (Q.Châu – T.Quốc). Tham dự có đại biểu của Đông Dương CSD và An Nam CSD.

b. Nội dung của hội nghị

- Thành phần tham dự: NAQ (chủ trì), 2 đại biểu của An Nam CSD và 2 đại biểu của Đông Dương CSD.
 - NAQ đã phân tích tình hình trong và ngoài nước, phê bình tình trạng chia rẽ của các tổ chức CS
 - Hội nghị thảo luận và nhất trí thống nhất 3 tổ chức CS thành 1 đảng duy nhất lấy tên là ĐCSVN
 - Thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng gồm: “ Chính cương vắn tắt”, “ Sách lược vắn tắt” và “ Điều lệ vắn tắt” do NAQ khởi thảo.
 - Cử ra Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng.
- Hội nghị có ý nghĩa như đại hội thành lập Đảng.

2. Nội dung chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Cương lĩnh xác định đ/lối c/lược của Đảng là tiên hành “TS dân quyền CM và thổ địa CM để đi tới xã hội CS”.
- Nhiệm vụ:
 - + Đánh đổ ĐQ Pháp, PK tay sai và TS phản CM giành độc lập tự do.
 - + Lập chính phủ công nông binh, tổ chức quân đội công nông.
 - + Tịch thu sản nghiệp, ruộng đất của ĐQ và bọn phản CM chia cho dân cày nghèo.
 - + Tiến hành cải cách ruộng đất.
- Lực lượng CM:
 - + Lãnh đạo: ĐCSVN – đội tiên phong của g/cấp vô sản, là nhân tố quyết định thắng lợi của CMVN

+ Động lực chính: CN và nông dân; lôi kéo trí thức, TTS; lợi dụng hoặc trung lập phú nông, trung, tiểu địa chủ và TS.

+ Đoàn kết q/tế: liên lạc với các d/tộc bị áp bức và vô sản t/giới.

→ Là cương lĩnh g/p d/tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề d/tộc và g/cấp. Độc lập tự do là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh.

3. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lâm thời Đảng cộng sản Việt Nam (10/1930)

a. Nội dung hội nghị

- HN họp tại Hương Cảng (TQ) vào 10/1930.
- HN quyết định đổi tên ĐCSVN thành ĐCS Đông Dương.
- Cử BCH chính thức do Trần Phú làm Tổng bí thư.
- Thông qua Luận cương chính trị của Đảng.

b. Nội dung Luận cương chính trị của Đảng tháng 10-1930

- Xác định con đường của CM Đông Dương lúc đầu làm CM tư sản dân quyền, sau đó phát triển bỏ qua thời kì TBCN, tiến thẳng lên con đường CNXH.
- Nhiệm vụ chiến lược: đánh đổ Đế quốc và đánh đổ phong kiến, có quan hệ khăng khít với nhau.
- Động lực CM là công nhân và nông dân.
- Lãnh đạo CM là giai cấp công nhân với đội tiên phong là Đảng Cộng sản.
- Nêu rõ hình thức đấu tranh, phương pháp đấu tranh và mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

c. So sánh nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng với Luận cương chính trị của Đảng 10/1930

*** Giống nhau**

- Xác định phương pháp CM: sử dụng bạo lực cách mạng tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.
- Mối quan hệ giữa CM Việt Nam với CM thế giới: CM Việt Nam là một bộ phận của CM thế giới.
- V/trò lãnh đạo CM là g/cấp công nhân và đội tiên phong là ĐCS.

*** Khác nhau**

Cương lĩnh chính trị đầu tiên

- **Đường lối cách mạng:** CM TS dân quyền và thổ địa CM để đi tới XH cộng sản
→ giữa hai giai đoạn CM không có bức tường nào ngăn cách
- **Kẻ thù cách mạng:** ĐQ Pháp, vua quan PK và TS phản CM

→ không phải là toàn bộ g/cấp PK và TS

- **Lực lượng CM:** CN, nông dân là động lực, là gốc của CM, đồng thời liên minh với các g/c TTS, TSĐT, trung và tiểu địa chủ

→ phát huy và lôi kéo hết khả năng CM của các bộ phận trong XH.

Luận cương chính trị tháng 10/1930

- **Đường lối cách mạng:** Lúc đầu là CM TS dân quyền, sau phát triển bỏ qua giai đoạn TBCN tiến lên XHCN

→ hoàn thành thắng lợi giai đoạn này rồi mới tiếp tục giai đoạn CM sau.

- **Kẻ thù cách mạng:** Đế quốc và phong kiến

→ không phân biệt bộ phận có tinh thần d/tộc trong g/cấp PK và không xác định TS mại bản là kẻ thù cần đánh đổ.

- **Lực lượng CM:** Chỉ xác định CN và nông dân, không đề cập đến các bộ phận khác.

*** Hạn chế của Cương lĩnh chính trị tháng 10/1930**

- Không xác định đúng vị trí d/tộc trong mối quan hệ d/tộc và g/cấp, quá đề cao vấn đề g/cấp và đấu tranh g/cấp, không đưa ngọn cờ d/tộc lên hàng đầu.

- Chưa đánh giá đúng khả năng CM của các g/c tầng lớp trong xã hội

→ chưa lôi kéo được tất cả các lực lượng có tinh thần đấu tranh yêu nước tham gia.

- Trong xác định kẻ thù, chưa phân biệt được bộ phận PK có tinh thần d/tộc và chưa xác định đánh đổ TS mại bản

→ xác định chưa đầy đủ kẻ thù cần đánh đổ.

4. Ý nghĩa của việc thành lập ĐCSVN

- ĐCSVN ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh g/cấp và d/tộc ở VN, là sự lựa chọn đúng đắn của lịch sử.

- Đảng CSVN ra đời là sản phẩm tất yếu của sự kết hợp giữa CN Mac-Lenin với PTCN và phong trào yêu nước ở VN.

- Đảng CSVN ra đời tạo ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử CMVN:

+ Từ đây CMVN có đường lối đúng đắn, khoa học, sáng tạo.

+ Là bước chuẩn bị đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt của CMVN.

+ CMVN trở thành một bộ phận của CM thế giới.

VẤN ĐỀ 9: TÌNH HÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KÌ KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI (1929-1933)

1. Tình hình kinh tế

- Từ 1930, chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng k/tế tại Pháp, k/tế VN bắt đầu khủng hoảng.
- Khủng hoảng bắt đầu từ nông nghiệp: Ruộng đất hoang hóa, sản lượng thấp, giá nông phẩm giảm.
- SX công nghiệp suy giảm, xuất khẩu đình đốn, hàng hóa khan hiếm, giá cả đắt đỏ.

2. Tình hình xã hội

- Khủng hoảng làm cho đời sống NDLD thêm đói khổ:
 - + Công nhân: thất nghiệp, nếu có việc làm thì lương rất thấp.
 - + Nông dân: chịu thuế cao, vay lãi nặng, giá nông phẩm rẻ, bị chiếm đoạt RĐ → bị bần cùng hóa nghiêm trọng.
 - + Thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ bị phá sản, viên chức bị sa thải, TSĐT kinh doanh khó khăn.
- Mâu thuẫn dân tộc Việt Nam >< TD Pháp và tay sai gay gắt.
- PTCN và phong trào yêu nước phát triển mạnh lôi cuốn nhiều g/cấp tầng lớp tham gia → TD Pháp đàn áp đẫm máu làm cho mâu thuẫn càng thêm căng thẳng.

VẤN ĐỀ 10: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931 VỚI ĐỈNH CAO XÔ-VIẾT NGHỆ - TĨNH

1. Phong trào công nhân và nông dân trong nửa đầu năm 1930

- Từ đầu năm 1930 đã có nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân nổ ra: cuộc bãi công của 3000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng (2/1930), bãi công của 4000 công nhân nhà máy sợi Nam Định (4/1930),
- 1/5/1930 nhiều cuộc đấu tranh nhân ngày Quốc tế lao động bùng nổ khắp cả nước đánh dấu bước ngoặt của phong trào, lần đầu tiên công-nông và quần chúng Đông Dương tỏ rõ sự đoàn kết với vô sản thế giới và biểu dương lực lượng của mình.
- Cuộc đấu tranh của nông dân cũng nổ ra ở nhiều địa phương: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định,...
- Nghệ-Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh mẽ nhất.
- 1/5/1930, công nhân nhà máy diêm, nhà máy cưa Bến Thủy và nông dân các vùng lân cận đã biểu tình thị uy đòi tăng lương, giảm giờ làm, giảm sưu thuế, chống khủng bố chính trị,... Cùng ngày, 3000 nông dân huyện Thanh Chương biểu tình phá đồn điền Kí Viện, tịch thu ruộng đất chia cho nông dân.
- 1/8/1930, nổ ra cuộc tổng bãi công của công nhân khu công nghiệp Vinh-Bến Thủy đánh dấu thời kì đấu tranh mới.
- Ở nông thôn Nghệ-Tĩnh có nhiều cuộc đấu tranh lớn của nông dân dưới hình thức biểu tình có vũ trang tự vệ.

2. Xô-viết Nghệ-Tĩnh

- 9/1930 phong trào phát triển tới đỉnh cao: kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh kinh tế; xuất hiện hình thức vũ trang tự vệ, tấn công vào cơ quan chính quyền địch.
- 12/9/1930, 1 cuộc biểu tình khổng lồ lên đến 2 vạn người đã nổ ra tại Hưng Nguyên (Nghệ An). Thực dân Pháp đã cho máy bay ném bom đàn áp làm 217 người chết và 125 người bị thương.
- Trong suốt tháng 9 và 10/1930 ở nhiều huyện như Thanh Chương, Diễn Châu (Nghệ An), Hương Sơn (Hà Tĩnh),... nông dân đã vũ trang khởi nghĩa, phá huyện lỵ, nhà giam... Công nhân Vinh-Bến Thủy đã bãi công 2 tháng liền để ủng hộ nông dân → sự đoàn kết công-nông.
- Phong trào đấu tranh của quần chúng đã làm chính quyền của Đế quốc và phong kiến tay sai ở nhiều nơi bị tan rã. Đảng bộ ở các địa phương đã lãnh đạo nhân dân đứng lên thực hiện quyền tự làm chủ, các nông hội đã đứng ra thực hiện các nhiệm vụ của chính quyền nhân dân theo hình thức Xô-viết.

* Chính sách của chính quyền Xô-viết

- Chính trị: trấn áp bọn phản cách mạng, thực hiện các quyền tự do dân chủ cho nhân dân, phát triển các tổ chức quần chúng.
 - Kinh tế: bãi bỏ các thứ thuế vô lí, giảm tô, xóa nợ, chia lại ruộng đất công cho nông dân.
 - Văn hóa: bài trừ mê tín dị đoan, khuyến khích học chữ Quốc ngữ, chú trọng tuyên truyền ý thức chính trị cho nhân dân.
 - Quân sự: mỗi làng tổ chức các đội tự vệ vũ trang, lập tòa án nhân dân để xét xử bọn phản cách mạng.
- Chính quyền thể hiện tính ưu việt, là chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Lo sợ trước sự phát triển của phong trào, thực dân Pháp tăng cường đàn áp, phá vỡ nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng, bắt và giết hàng vạn cán bộ, đảng viên. Đến giữa năm 1931 phong trào tạm lắng xuống.

3. Ý nghĩa

- Khẳng định đường lối cách mạng đúng đắn, vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng.
 - Phong trào đã giáng một đòn quyết liệt vào bè lũ đế quốc và phong kiến tay sai.
 - Hình thành và khẳng định được sức mạnh của liên minh Công – nông.
- Phong trào là cuộc tập dượt đầu tiên chuẩn bị cho CM tháng Tám.

VẤN ĐỀ 11: SỰ PHỤC HỒI LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG SAU KHỦNG BỐ TRẮNG CỦA ĐẾ QUỐC PHÁP

1. Cuộc đấu tranh phục hồi phong trào cách mạng

- Sau khi phong trào 1930 – 1931 lắng xuống, Pháp tiếp tục khủng bố, đàn áp PT, đồng thời thi hành những chính sách mị dân → PTCM bị tổn thất nặng.

- Các Đảng viên tìm cách khôi phục PT:

+ 1932, Lê Hồng Phong và 1 số đồng chí tổ chức ra ban lãnh đạo TW của Đảng.

+ 6/1932 thảo ra “ Chương trình hành động” của Đảng: đấu tranh đòi tự do d/chủ, bỏ các thứ thuế bất công, phát triển các đoàn thể quần chúng,... → PT quần chúng bắt đầu phục hồi.

+ Đầu năm 1934 Ban lãnh đạo hải ngoại được thành lập.

+ Cuối 1934 – đầu 1935 các xứ ủy được lập lại.

→ Tổ chức Đảng được khôi phục từ TW đến cơ sở. PT đấu tranh của quần chúng được phục hồi, nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân đã nổ ra.

2. Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương (3-1935)

- 27-31/3/1935, Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng được triệu tập tại Ma Cao (Trung Quốc)

- ĐH xác định 3 nhiệm vụ chủ yếu của Đảng:

+ củng cố và phát triển Đảng.

+ Tranh thủ quần chúng.

+ Chống chiến tranh ĐQ.

- Thông qua Nghị quyết c/trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết khác.

- Bầu Ban chấp hành TW do Lê Hồng Phong làm tổng bí thư, NAQ làm đại diện của Đảng tại QTCS.

- Ý nghĩa: đánh dấu Đảng đã khôi phục được hệ thống tổ chức từ TW đến địa phương.

VẤN ĐỀ 12: CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ 1936-1939

1. Tình hình t/giới và trong nước

a. Tình hình thế giới

- Từ đầu những năm 30, chủ nghĩa phátxít lên cầm quyền ráo riết chuẩn bị cho chiến tranh t/giới.
- Đại hội VII QTCS (7/1935) xác định: kẻ thù là CN phátxít, nhiệm vụ trước mắt là chống CN phátxít, giành quyền d/chủ, bảo vệ hòa bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.
- 6/1936 Chính phủ mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp.

b. Tình hình trong nước

- Chính trị: chính phủ mới của Pháp nới rộng hơn quyền tự do d/chủ. Ở VN có nhiều đảng phái chính trị hoạt động nhưng chỉ có ĐCS Đông Dương là mạnh nhất.
- Kinh tế: Pháp đầu tư khai thác thuộc địa để bù đắp cho cuộc khủng hoảng ở chính quốc
 - KT VN có bước phát triển nhưng vẫn lạc hậu và phụ thuộc vào Pháp.
 - + Nông nghiệp: Pháp cướp đoạt ruộng đất lập đồn điền trồng cao su là chủ yếu.
 - + Công nghiệp: đẩy mạnh khai mỏ và một số ngành công nghiệp nhẹ.
 - + Thương nghiệp: độc quyền bán thuốc phiện, rượu, muối, nhập khẩu máy móc, hàng tiêu dùng, xuất khẩu nông sản, khoáng sản.
- Xã hội: Đời sống của đa số nhân dân rất khó khăn → hăng hái tham gia đấu tranh.

2. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 7-1936

- 7/1936, HN BCH TW ĐCS Đông Dương do Lê Hồng Phong chủ trì họp tại Thượng Hải (TQ).
- Nội dung:
 - + Nhiệm vụ chiến lược: chống ĐQ và chống PK. Nhiệm vụ trước mắt là chống chế độ phản động thuộc địa, chống phátxít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi tự do d/chủ, cơm áo và hòa bình.
 - + Phương pháp đấu tranh: kết hợp công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.
 - + Thành lập Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.
- Đường lối đấu tranh này tiếp tục được phát triển trong các Hội nghị năm 1937, 1938.
- 3/1938, MT thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương

→ Là sự thay đổi sách lược đấu tranh của Đảng ta.

3. Những phong trào đấu tranh tiêu biểu

a. Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ

- PT Đông Dương đại hội (8/1936): thảo ra các bản “dân nguyện” gửi tới phái đoàn Quốc hội Pháp

→ Pháp buộc phải giải quyết 1 phần yêu sách của nhân dân ta.

- PT đón Gô-đa và toàn quyền Brêviê (đầu năm 1937)

- 1937-1939 có hàng trăm cuộc biểu tình nổ ra, đặc biệt là cuộc biểu tình nhân ngày Q/tế LĐ 1/5/1938.

b. Đấu tranh nghị trường

Đưa người của Mặt trận dân chủ Đông Dương ứng cử vào các tổ chức chính quyền như: Viện dân biểu Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Hội đồng kinh tế - lí tài Đông Dương, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ...

→ 1938 15 ứng cử viên trúng cử vào Viện dân biểu Bắc Kỳ, giành thắng lợi trong Hội đồng kinh tế - lí tài Đông Dương.

c. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí

- Xuất bản công khai nhiều tờ báo cách mạng: Dân chúng, Tiền phong, Lao động,...

- Xuất bản nhiều tác phẩm lí luận như “Vấn đề dân cày” – Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp, các tác phẩm văn học hiện thực phê phán như thơ Tố Hữu.

4. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ 1936-1939

- Ý nghĩa lịch sử:

+ Buộc thực dân Pháp nhượng bộ một số yêu sách cụ thể.

+ Xây dựng được lực lượng chính trị hùng hậu.

+ Cán bộ Đảng viên ngày càng trưởng thành.

→ Là cuộc tập dượt lần thứ hai chuẩn bị cho CMT8.

- Bài học kinh nghiệm: về xây dựng mặt trận d/tộc thống nhất, tổ chức lãnh đạo đấu tranh công khai, rút ra được hạn chế trong công tác mặt trận, vấn đề d/tộc...

VẤN ĐỀ 18: MẶT TRẬN VIỆT MINH RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH

1. Hoàn cảnh ra đời

* Thế giới: Phát-xít Đức chuẩn bị tấn công Liên Xô. Việc Liên Xô tham chiến làm thay đổi tính chất của cuộc chiến tranh: là cuộc chiến giữa các lực lượng d/chủ do Liên Xô đứng đầu với các lực lượng phát-xít.

* Trong nước:

- Nhân dân ta dưới 2 tầng áp bức của Nhật và Pháp đời sống ngày càng cực khổ.
- 28/1/1941 NAQ về nước trực tiếp lãnh đạo CM.
- 10-19/5/1941 Người triệu tập Hội nghị BCH TW lần thứ 8 tại Pắc Bó (Cao Bằng).
Nội dung HN:

+ Xác định mâu thuẫn lớn nhất lúc này là mâu thuẫn giữa d/tộc ta với ĐQ phát-xít Pháp- Nhật.

+ Chủ trương n/vụ trước hết phải g/p các d/tộc Đông Dương ra khỏi ách Pháp-Nhật.

+ Tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày” thay bằng khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của ĐQ và Việt gian chia cho dân cày nghèo, giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công tiến tới thực hiện người cày có ruộng.

+ Chủ trương thành lập VN đ/lập đồng minh (gọi tắt là MTVM) gồm các tổ chức lấy tên là hội cứu quốc.

→ đây là HN có ý nghĩa quan trọng, hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo đấu tranh được đề ra từ HN BCH TW Đảng lần thứ 6.

2. Hoạt động của Mặt trận Việt Minh:

- 19/5/1941 MTVM được tuyên bố thành lập.

- Cao Bằng được lấy làm nơi thí điểm XD MTVM và đến cuối 1942 khắp 9 châu Cao Bằng đều có Ủy Ban Việt Minh trong đó có 3 châu hoàn toàn. Tiếp đó ủy ban Việt Minh tỉnh cao bằng và ủy ban Việt Minh liên tỉnh Cao- Bắc- Lạng đã ra đời.

- Chương trình 10 điều của MTVM đáp ứng được yêu cầu của các giai tầng trong XH. Mặc dù bị TD pháp đàn áp khủng bố nhưng các đoàn thể trong Mặt trận như công nhân cứu quốc, nông dân cứu quốc, phụ nữ cứu quốc, thanh niên cứu quốc đx phát triển nhanh chóng.

- 1943 Đảng chủ trương đẩy mạnh mở rộng hoạt động của Mặt trận vào đô thị giúp văn nghệ sĩ thành lập Hội văn hoá cứu quốc, giúp trí thức và TTS thành lập đảng d/chủ VN đứng dưới ngọn cờ MTVM, cũng thời gian này UBVM tỉnh Cao bằng

còn thành lập 19 ban xung phong Nam tiến để bắt liên lạc với căn cứ địa Bắc sơn - Vũ Nhai.

- T5/1944 Tổng bộ VM ra chỉ thị “sửa soạn k/n”.
- T8/1944 Đảng kêu gọi “sắm vũ khí đuổi thù chung”.
- T6/1945 Khu g/p Việt Bắc gồm 6 tỉnh Cao – Bắc – Lạng – Hà – Tuyên – Thái đã ra đời trong khu g/p. 10 chính sách lớn của MTVM bắt đầu được thực hiện, khu g/p Việt bắc đã trở thành hình ảnh thu nhỏ của nước VN mới.
- Đến ngày Tổng k/n T8/1945: MTVM đã phát triển rộng khắp cả nước và đứng ra l/đạo quần chúng ND tổng k/n giành chính quyền.

3. Vai trò của MTVM đối với CMVN:

- MTVM là 1 t/chức c/trị quần chúng, nó đã hoàn thành xuất sắc, vai trò đoàn kết tập hợp rộng rãi các giai tầng cùng tham gia vào CM g/p d/tộc, mặt trận đã thực sự trở thành cầu nối giữa đảng với nhân dân tượng trưng cho khối đại đoàn kết d/tộc.
- trong t/gian tồn tại của mình, MTVM đã xuất nhiều sách báo (chặt xiềng, cờ g/p, VN độc lập) hoàn thành xuất sắc n/vụ tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ quần chúng, làm tăng thêm niềm tin của quần chúng vào CM.
- Thông qua các đoàn thể cứu quốc trong MTVM các đội tự vệ cứu quốc, tự vệ chiến đấu, tuyên truyền xung phong được thành lập góp phần XD lực lượng vũ trang cho CM để sau này hỗ trợ lực lượng c/trị giành c/quyền ở các địa phương.
- trong thời kỳ tiền k/n MTVM đã đứng ra t/chức cho quần chúng tiến hành các cuộc k/n từng phần ở các địa phương, t/chức cho quần chúng tham gia PT phá kho thóc Nhật, tham gia vào các cuộc mítting, biểu tình và trong thời kỳ k/n, MTVM cũng trực tiếp đứng ra l/đạo quần chúng ND giành c/quyền.
- > Như vậy MTVM đã có vai trò rất to lớn trong suốt quá trình chuẩn bị cho CMT8, và l/đạo CMT8, có thể khẳng định rằng không có MTVM thì không có CMT8, thành lập MTVM là 1 sáng tạo độc đáo của Đảng và HCM, là 1 điển hình thành công trong công tác mặt trận của Đảng ta.

VẤN ĐỀ 19: CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC TIẾN TỚI TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM 1945

1. Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945)

- Đầu 1945 chiến tranh thế giới II bước vào giai đoạn kết thúc, phe phát-xít đang đứng trước nguy cơ thất bại. Thực dân Pháp ở Đông Dương nhân cơ hội góc đầu đây. Mâu thuẫn Nhật- Pháp ở Đông Dương càng gay gắt.
- Để độc chiếm Đông Dương và tránh nguy cơ bị Pháp đánh từ sau lưng khi quân Đồng minh tiến vào Đông Dương, 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp, dựng lên chính phủ Trần Trọng Kim, Bảo Đại làm quốc trưởng, tuyên bố giúp các dân tộc Đông Dương xd nền độc lập.
- Dựa vào lực lượng tay sai, Nhật ra sức vơ vét, bóc lột nhân dân ta thậm tệ (thu thóc, phá màu trồng đay...), đưa quân tấn công căn cứ Việt Bắc, khủng bố đàn áp dã man trong nhân dân... Làm cho nhân dân ta ngày càng căm thù Nhật và bòn bù nhìn tay sai của chúng.

2. Cao trào kháng Nhật cứu nước

- 12/3/1945 Ban thường vụ trung ương Đảng ra chỉ thị “*Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” nhận định:
 - + Đk tổng khởi nghĩa chưa chín muồi.
 - + Kẻ thù cụ thể và duy nhất của nhân dân Đông Dương lúc này là phátxít Nhật.
 - + Thay khẩu hiệu “Đánh đuổi Nhật-Pháp” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phátxít Nhật”.
 - + Đưa khẩu hiệu thành lập chính quyền cách mạng để chống lại chính phủ bù nhìn thân Nhật.
 - + Hình thức đấu tranh: bất hợp tác, bãi công, biểu tình...sẵn sàng chuyển sang k/n khi có điều kiện.
 - + Phát động “Cao trào kháng Nhật cứu nước” làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa.
- Ở Cao – Bắc- Lạng, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, Cứu quốc quân cùng với quần chúng giải phóng nhiều xã, châu, huyện, thành lập chính quyền CM.
- Ở Bắc Kì và Trung Kì Đảng đưa ra khẩu hiệu “ phá kho thóc, giải quyết nạn đói” thu hút hàng triệu người tham gia.
- Ở Quảng Ngãi, 11/3/1945 tù chính trị ở nhà lao ba Tơ nổi dậy chiếm đồn binh giặc, lập chính quyền, tổ chức đội du kích Ba Tơ.
- Ở Nam Kì, hoạt động Việt Minh mạnh mẽ, nhất là ở Mĩ Tho và Hậu Giang.

3. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa

- 15 – 20/4/1945, HN Quân sự cách mạng Bắc Kì quyết định thành lập Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kì, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, xây dựng các chiến khu.
 - 16/4/1945 Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị thành lập UB dân tộc giải phóng VN.
 - 4/6/1945, khu giải phóng Việt Bắc được thành lập gồm các tỉnh Cao-Bắc-Lạng-Hà-Tuyên-Thái, thành lập UB lâm thời khu giải phóng, thi hành 10 chính sách của Việt Minh nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân
- là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam mới.

VẤN ĐỀ 20: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG TRONG CẢ NƯỚC

1. Nhật đầu hàng Đồng minh, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố

*** Thời cơ tổng khởi nghĩa**

- 9/8/1945 Liên Xô tiêu diệt đạo quân Quan Đông của Nhật.
- 15/8/1945, Nhật tuyên bố đầu hàng không điều kiện → quân Nhật ở Đông Dương tê liệt, chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang → thời cơ khởi nghĩa đã chín muồi.
- 13/8/1945 UB khởi nghĩa toàn quốc được thành lập ban bố “ Quân lệnh số 1” phát động tổng khởi nghĩa.
- 14-15/8/1945, HN toàn quốc của Đảng tại Tân Trào thông qua kế hoạch tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng sau khi giành chính quyền.
- 16-17/8/1945, ĐH Quốc dân Tân Trào thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra UB dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm chủ tịch.

2. Diễn biến cuộc tổng khởi nghĩa

- Chiều 16/8/1945 một đơn vị giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.
- 18/8/1945, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước.
- Ở Hà Nội:
 - + 15/8 các đội tuyên truyền của Việt Minh tổ chức diễn thuyết công khai.
 - + Chiều 17/8 ĐCS Đông Dương bí mật huy động quần chúng biến cuộc mít tinh thân Nhật thành cuộc mít tinh ủng hộ Việt Minh, sau đó trở thành cuộc biểu tình tuần hành hô hào nhân dân tham gia khởi nghĩa.
 - + 19/8 quần chúng nhân dân tham gia cuộc mít tinh do Việt Minh tổ chức, sau đó xuống đường biểu dương lực lượng, chiếm các cơ quan quan trọng (phủ khâm sai, tòa thị chính, sở cảnh sát...) và khởi nghĩa giành chính quyền.
- Ở Huế: 23/8 hàng vạn nhân dân biểu tình chiếm các công sở giành chính quyền.
- Ở Sài Gòn: 25/8 quần chúng nhân dân các tỉnh lân cận kéo về Sài Gòn đánh chiếm các vị trí quan trọng và giành chính quyền.
- Đến ngày 28/8 hầu hết các địa phương trong cả nước đã giành được chính quyền.
- Chiều 30/8 vua Bảo Đại thoái vị, chế độ PK Việt Nam sụp đổ.
- 2/9/1945 tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập tuyên bố nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời.

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, bài học kinh nghiệm

* **Nguyên nhân thắng lợi**

- Nguyên nhân chủ quan:

+ D/tộc ta có truyền thống nồng nàn yêu nước, đấu tranh cho độc lập tự do.

+ Đường lối CM đúng đắn, sáng tạo của Đảng do HCM đứng đầu.

+ Đảng ta đã có sự chuẩn bị chu đáo, rút kinh nghiệm qua các giai đoạn 1930-1935, 1936-1939, 1939-1945.

+ Các cấp bộ Đảng và Việt Minh linh hoạt, sáng tạo, biết chớp đúng thời cơ khởi nghĩa.

- Nguyên nhân khách quan: thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và lực lượng Đồng minh trong chiến tranh chống phátxít đã cổ vũ tinh thần, tạo điều kiện cho nhân dân ta tiến lên tổng khởi nghĩa.

* **Ý nghĩa lịch sử**

- Là bước ngoặt lớn trong l/sử d/tộc, phá tan ách thống trị của TD Pháp và phátxít Nhật, lật đổ chế độ PK, lập ra nước VNDCCH do ND LĐ làm chủ.

- Mở ra kỷ nguyên mới cho d/tộc: độc lập, tự do, ND LĐ làm chủ đất nước, g/p d/tộc gắn liền với g/p XH.

- ĐCS Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền, chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo.

- Góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phátxít trong CTTG II, cổ vũ ptgpdđ ở các thuộc địa.

* **Bài học kinh nghiệm**

- Đảng phải có đường lối đt đúng đắn, kịp thời nắm bắt tình hình để có chủ trương đúng đắn.

- Thành lập mặt trận d/tộc thống nhất trên cơ sở liên minh công-nông, phân hóa và cô lập kẻ thù.

- Kết hợp linh hoạt đt chính trị với đt vũ trang, k/n từng phần đến tổng khởi nghĩa.

LỊCH SỬ VIỆT NAM (1945-1954)

VẤN ĐỀ 21: CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945-1946)

1. Tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945

a. Khó khăn

- Thù trong giặc ngoài:

+ Bắc vĩ tuyến 16, 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc kéo vào, theo sau là bọn phản động Việt Quốc, Việt Cách với âm mưu lật đổ chính quyền CM, lập chính quyền phản động làm tay sai cho chúng.

+ Nam vĩ tuyến 16, hơn 1 vạn quân Anh dưới danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật, tạo điều kiện cho Pháp quay lại xâm lược Đông Dương.

+ Các lực lượng phản động trong nước ngóc đầu dậy làm tay sai cho Pháp.

+ Ngoài ra còn có 6 vạn quân Nhật đang chờ giải giáp cũng nghe lệnh đế quốc chống lại CM ta.

- Chính quyền CM mới thành lập còn non trẻ, lực lượng vũ trang còn yếu.

- Kinh tế: Chủ yếu là nông nghiệp nghèo nàn, bị chiến tranh tàn phá, nạn đói chưa được khắc phục, tiếp đó là lụt lớn, hạn hán → ½ dt ruộng đất không canh tác được. Công nghiệp đình đốn, nhiều xí nghiệp còn trong tay Pháp. Ngân sách trống rỗng, chỉ còn 1.230.000, trong đó gần ½ rách nát, chưa kiểm soát được ngân hàng Đông Dương, trong khi đó bọn Trung Hoa dân quốc lại tung ra thị trường các loại tiền quan kim và quốc tệ đã mất giá làm cho thị trường thêm rối loạn.

- Tàn dư văn hoá của chế độ thực dân PK nặng nề hơn 90% dân số mù chữ, tệ nạn xã hội phổ biến.

→ Nước ta đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”

b. Thuận lợi

- Trong nước

+ Nhân dân đã làm chủ đất nước, được hưởng những quyền lợi do CM đem lại nên tin tưởng và đi theo chế độ.

+ Có Đảng đứng đầu là HCM lãnh đạo.

- Thế giới

+ Hệ thống CNXH đang hình thành.

+ Phong trào CM t/giới phát triển ở cả các thuộc địa và nước TB.

2. củng cố chính quyền nhân dân, xây dựng nền móng của chế độ mới

- Chính trị:

- + 6/1/1946 tiến hành tổng tuyển cử trong cả nước bầu Quốc hội, có 333 đại biểu trúng cử.
- + 2/3/1946 Quốc hội khóa I lập Nam dự thảo hiến pháp và bầu Chính phủ Liên hiệp kháng chiến đầu tiên do HCM đứng đầu.
- + 9/11/1946 QH thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước VNDCCH.
- + Các địa phương Bắc Bộ và Trung Bộ bầu cử HĐND các cấp, thành lập UB hành chính các cấp.
- Quân sự: 22/5/1946 thành lập Quân đội quốc gia VN, XD lực lượng dân quân, tự vệ.

3. Giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính

a. Giải quyết nạn đói

- Biện pháp trước mắt: quyên góp (PT hũ gạo cứu đói, ngày đồng tâm...), điều hoà thóc gạo, chống đầu cơ tích trữ gạo, kêu gọi “nhường cơm sẻ áo”.
- Biện pháp lâu dài: tăng gia sản xuất, giảm 25% tô và 20% thuế RĐ, tạm cấp RĐ cho nông dân nghèo, chia lại RĐ công.
- Nạn đói được đẩy lùi một bước.

b. Giải quyết nạn dốt

- 8/9/1945, HCM ra sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ, phát động PT xóa mù chữ.
- Sớm khai giảng các trường từ Phổ thông đến Đại học. Nội dung và phương pháp giảng dạy bước đầu được đổi mới theo tinh thần dân tộc và dân chủ.
- Đến cuối 1946 cả nước có 76000 lớp học, xoá mù chữ cho 2,5 triệu người.

c. Giải quyết khó khăn về tài chính

- Xây dựng “ Quỹ độc lập”, phát động phong trào tuần lễ vàng huy động đóng góp của nhân dân → huy động được 370 kg vàng và hàng chục triệu đồng.
- 23/11/1946 phát hành tiền VN thay cho tiền Đông Dương

4. Thực dân Pháp quay lại xâm lược Nam Bộ

- Với âm mưu quay lại xâm lược nước ta, 2/9/1945 Pháp xả súng vào buổi mítinh chào mừng ngày độc lập của nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn.
- 6/9/1945 quân Anh đến Sài Gòn, yêu cầu ta giải tán lực lượng, thả tù binh Pháp bị Nhật bắt giữa và trang bị vũ khí cho lực lượng này.
- Đêm 22 rạng 23/9/1945 được sự giúp đỡ của Anh Pháp đánh úp trụ sở UBND Nam Bộ mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược VN lần thứ hai.

- Nhân dân Sài Gòn-Chợ Lớn và Nam Bộ đã đứng lên kiên quyết chống Pháp bằng nhiều hình thức và nhiều loại vũ khí: đốt tàu Pháp, đánh phá kho tàng, nguồn tiếp tế của địch... Quân Pháp sống trong thành phố bị bao vây, không điện nước, không nguồn tiếp tế, bị quân ta tập kích.

- 5/10/1945 Pháp được tăng viện, được Anh và Nhật hỗ trợ phá vòng vây, đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

- Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến. Những đoàn quân Nam tiến hăng hái vào Nam chiến đấu. Nhân dân tổ chức quyên góp ủng hộ Nam Bộ kháng chiến.

5. Đấu tranh với quân Trung Hoa dân quốc và bọn phản cách mạng

- Âm mưu của quân Trung Hoa Dân quốc là lấy danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp quân Nhật để phá hoại cách mạng Việt Nam.

- Trong hoàn cảnh phải đối phó với Pháp quay lại xâm lược và quân Trung Hoa dân quốc uy hiếp ở phía Bắc, ta chủ trương hoà hoãn với quân Trung Hoa dân quốc để tránh một mình phải đối phó với nhiều kẻ thù cùng một lúc. Biện pháp:

+ Nhân nhượng một số yêu sách kinh tế, chính trị của chúng: nhận tiêu tiền quan kim và quốc tệ, cung cấp cho chúng 1 phần lương thực, nhượng cho đảng Việt Quốc, Việt Cách 70 ghế trong QH và 4 ghế bộ trưởng không qua bầu cử...

+ Kiên quyết trấn áp, vạch trần âm mưu và hành động phá hoại của bọn tay sai của chúng.

- 11/11/ 1945 ĐCS Đông Dương tuyên bố tự giải tán rút vào hoạt động bí mật.

- Kết quả, ý nghĩa: hạn chế đến mức thấp nhất các hoạt động chống phá và làm thất bại âm mưu của quân Trung Hoa Dân quốc.

6. Hiệp ước Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946)

- 28/2/1946 Pháp và Trung Hoa Dân quốc kí hiệp ước Hoa – Pháp: Pháp nhượng cho Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi để được đưa quân ra Bắc thay chân Trung Hoa dân quốc giải giáp quân Nhật.

- Chúng ta có 2 lựa chọn: chiến đấu không cho Pháp ra Bắc hoặc hoà hoãn với Pháp để gặt 20 vạn quân Trung Hoa dân quốc về nước và có thời gian chuẩn bị lực lượng đánh Pháp lâu dài.

*** Hiệp ước Sơ bộ:**

- 6/3/1946 chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Pháp Hiệp định Sơ bộ.

- Nội dung Hiệp định:

+ Chphủ Pháp công nhận nước ta là 1 quốc gia tự do, có chphủ, nghị viện, quân đội, tài chính riêng nhưng nằm trong khối Liên hiệp Pháp

+ Chphủ VN thoả thuận cho 15000 quân Pháp ra Bắc giải giáp quân Nhật và rút dần trong 5 năm.

+ Hai bên ngừng mọi xung đột ở miền Nam để đi đến đàm phán chính thức.

- Ý nghĩa:

+ Tránh cùng lúc đương đầu với nhiều kẻ thù.

+ Đẩy được 20 vạn quân Trung hoa dân quốc ra khỏi nước ta.

+ Pháp công nhận VN là một quốc gia tự do.

+ Có thêm thời gian hòa bình để củng cố chính quyền, chuẩn bị lực lượng kháng chiến lâu dài: thành lập hội Liên hiệp quốc dân VN (Liên Việt) để đoàn kết các lực lượng chưa tham gia Việt Minh; tổ chức các đơn vị tự vệ, tự vệ chiến đấu ở các khu phố, thôn, xã; 22/5/1946 Vệ quốc quân trở thành quân đội quốc gia của nước VNDCCH.

* Tạm ước

- Sau khi kí Hiệp định Sơ bộ, Pháp vẫn tiếp tục có những hành động gây xung đột vũ trang ở Nam Bộ, thành lập chính phủ Nam Kỳ Tự trị do Nguyễn Văn Thinh cầm đầu âm mưu tách Nam Bộ khỏi Việt Nam.

- Ta tiếp tục đàm phán với Pháp ở HN Phôngtenoblô nhưng thất bại do thái độ ngoan cố của Pháp.

- 14/9/1946 ta kí với Pháp Tạm ước nhân nhượng cho Pháp 1 số quyền lợi KT-XH để có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng.

VẤN ĐỀ 24: CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC BÙNG NỔ

- Sau khi kí hiệp định Sơ bộ (6/3/46) và tạm ước (14/9/46), ta kiên trì đấu tranh chính trị, hòa bình, đồng thời tích cực chuẩn bị lực lượng chuẩn bị kháng chiến.
- Trong khi đó Pháp đẩy mạnh chuẩn bị xâm lược nước ta:
 - + 20/11/1946 Pháp giành quyền thu thuế quan với ta ở cảng Hải Phòng. Đến 27/11 chiếm đóng Hải Phòng.
 - + Đặc biệt ở Hà Nội 17/12 chiếm cơ quan bộ Tài chính và gây tàn sát đẫm máu ở phố Hàng Bún.
 - + 18/12/46 Pháp gửi tối hậu thư đòi ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng.
- Trước những hành động của Pháp, 18-19/12/1946 TW Đảng họp và quyết định phát động toàn quốc kháng chiến và nêu lên đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- Đêm 19/12/1946 HCM ra lời kêu gọi Toàn quốc k/chiến. Sáng 20/12 lời kêu gọi được truyền đi khắp cả nước.
- 20h ngày 19/12/1946, công nhân nhà máy điện Yên Phụ phá máy. Đó là hiệu lệnh chiến đấu. Cuộc kháng chiến bùng nổ.
- Đường lối k/c chống Pháp của đảng ta thể hiện qua 3 văn kiện chính: chỉ thị “*Toàn dân kháng chiến*” của Thường vụ TW Đảng (12/12/1946), lời kêu gọi “*Toàn quốc kháng chiến*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946), tác phẩm “*Kháng chiến nhất định thắng lợi*” của Tổng bí thư Trường Chinh (9/1947).

VẤN ĐỀ 25: CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC THU – ĐÔNG 1947

*** Âm mưu và hành động của Pháp**

- Mở cuộc tấn công qui mô lớn vào căn cứ địa Việt Bắc nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt phần lớn bộ đội chủ lực của ta, nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Ngoài ra còn nhằm khóa chặt biên giới Việt – Trung, ngăn chặn liên lạc giữa ta với quốc tế.

- Từ 7/10/1947 Pháp huy động 12000 quân mở cuộc tiến công lên Việt Bắc theo 3 đường:

+ 1 bộ phận quân dù chiếm Bắc Kạn, Chợ Mới,...

+ Bộ binh từ Lạng Sơn lên Cao Bằng rồi vòng xuống Bắc Cạn bao vây Việt Bắc từ phía Đông và phía Bắc.

+ Bộ binh và lính thủy đánh bộ từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang bao vây phía Tây Việt Bắc.

*** Chủ trương của ta:**

15/10/1947 Trung ương Đảng ra chỉ thị “phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp”

*** Diễn biến:**

- Ở Bắc Kạn ta chủ động bao vây, tiến công địch, buộc Pháp rút khỏi Chợ Đồn, Chợ Rã cuối tháng 11/1947.

- Ở phía đông: ta phục kích địch trên đường số 4, đặc biệt là trận đèo Bông Lau (30/10/47) bắt được nhiều tên địch, phá hủy và tịch thu nhiều vũ khí.

- Ở phía Tây: ta chặn đánh địch trên sông Lô, đặc biệt là trận Đuan Hùng, Khe Lau
↳ Hai gọng kiềm của địch bị bẻ gãy.

- 19/12/47 đại bộ phận quân Pháp rút khỏi Việt Bắc, chiến dịch kết thúc.

*** Kết quả**

- Quân ta loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6000 tên địch, bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm 11 tàu chiến, ca nô, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

- Cơ quan đầu não k/c được bảo vệ, bộ đội chủ lực ta trưởng thành hơn và được trang bị thêm nhiều vũ khí.

*** Ý nghĩa**

- Đưa cuộc k/c chống Pháp x/lược sang giai đoạn mới.

- Buộc Pháp phải thay đổi chiến lược từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh lâu dài”.

VẤN ĐỀ 27: CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI THU – ĐÔNG 1950

1. Hoàn cảnh lịch sử mới của cuộc kháng chiến

*** Thuận lợi**

- 1/10/1949, CM Trung Quốc thành công, nước CHND Trung Hoa ra đời.
- Từ 1/1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước XHCN công nhận, đặt quan hệ ngoại giao và giúp đỡ cuộc k/c của ta.
- Cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Campuchia có bước phát triển mới.
- Phong trào đấu tranh phản đối cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương của nhân dân Pháp và thế giới ngày càng dâng cao.

*** Khó khăn**

- Mỹ công nhận chính phủ Bảo Đại, viện trợ KT-QS cho Pháp
- Pháp đưa ra kế hoạch Rơ-ve (13/5/1949) chuẩn bị đánh lên Việt Bắc lần thứ hai nhằm khóa chặt biên giới Việt-Trung:
 - + Tăng cường phòng thủ trên đường số 4 → cắt đứt liên lạc của ta với thế giới qua biên giới Việt – Trung.
 - + Thiết lập hành lang Đông – Tây (Hải Phòng – Hà Nội – Hòa Bình – Sơn La) → cắt đứt liên lạc giữa Việt Bắc với đồng bằng khu IV và khu III.

2. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950

*** Chủ trương của ta:** 6/1950 Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch biên giới nhằm:

- Làm tiêu hao 1 phần sinh lực địch
- Khai thông biên giới Việt – Trung.
- Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc.

*** Diễn biến**

- 16/9/1950 ta tấn công vào Đông Khê → 18/9 thì làm chủ hoàn toàn Đông Khê → uy hiếp Thất Khê, cô lập Cao Bằng.
- Sau khi mất Thất Khê, Pháp phải rút quân khỏi Cao Bằng theo đường số 4 bằng 1 cuộc “ hành quân kếp”:
- + Đánh lên Thái Nguyên để thu hút lực lượng của ta.
- + Từ Thất Khê đánh lên chiếm lại Đông Khê và đón cánh quân Cao Bằng rút về.
- Đoán trước được ý định của địch, ta chủ động phục kích chặn đánh cả 2 cuộc hành quân của địch làm thất bại âm mưu của chúng.
- Pháp buộc phải rút lui từ Thất Khê về Na Sầm (8/10) rồi về Lạng Sơn (13/10)
- 22/10 đường số 4 được giải phóng → chiến dịch kết thúc thắng lợi.

* **Kết quả:** loại khỏi vòng chiến đấu 8000 tên địch, giải phóng biên giới Việt – Trung từ Đình Lập đến Cao Bằng, chọc thủng hành lang Đông – Tây, mở rộng và củng cố căn cứ Việt Bắc.

* **Ý nghĩa**

- Là chiến dịch lớn đầu tiên ta chủ động mở và giành thắng lợi trong k/c chống Pháp.

- Khai thông đường liên lạc giữa ta và các nước XHCN.

- Ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

VẤN ĐỀ 29: CUỘC TIẾN CÔNG CHIẾN LƯỢC ĐÔNG – XUÂN 1953-1954 VÀ CHIẾN DỊCH LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ.

1. Kế hoạch Nava và chiến lược của ta trong Đông – xuân 1953-1954

a. Kế hoạch Nava

*** Hoàn cảnh ra đời**

- Sau 8 năm chiến tranh, Pháp ngày càng thiệt hại nặng: hơn 39 vạn quân và 2000 tỉ Frăng, vùng chiếm đóng bị thu hẹp, lâm vào thế bị động phòng ngự.

- Mĩ can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh Đông Dương tích cực chuẩn bị thay thế Pháp.

- 7/5/1953 tướng Nava được cử làm tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương đưa ra kế hoạch quân sự hi vọng trong vòng 18 tháng sẽ “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

*** Nội dung kế hoạch Nava**

- K/hoạch Nava dự định thực hiện trong vòng 18 tháng, qua 2 bước:

+ Bước 1 (thu – đông 1953 và xuân 1954): giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ, tiến công chiến lược bình định Trung Bộ và Nam Đông Dương, xóa bỏ vùng tự do liên khu V, mở rộng nguy quân, xây dựng lực lượng quân cơ động mạnh.

+ Bước 2 (thu – đông 1954): chuyển lực lượng ra chiến trường Bắc Bộ tiến công chiến lược giành thắng lợi quân sự quyết định buộc ta đàm phán kết thúc chiến tranh có lợi cho chúng.

- Thực hiện k/hoạch Nava: Tập trung ở vùng đồng bằng Bắc Bộ 44/84 tiểu đoàn cơ động, tiến hành càn quét, bình định vùng chiếm đóng, tiến công lớn vào Ninh Bình, Thanh Hóa...

b. Chủ trương của ta

- Nhiệm vụ chính: tiêu diệt sinh lực địch.

- Phương hướng chiến lược:

+ Tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu để tiêu diệt 1 phần sinh lực địch và giải phóng đất đai.

+ Buộc địch bị động phân tán lực lượng trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ, tạo đk cho ta tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực địch.

- Phương châm: tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt; đánh ăn chắc, tiến ăn chắc.

2. Cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954

- 10/12/1953 quân chủ lực ta tấn công giải phóng thị xã Lai Châu (trừ Điện Biên Phủ), loại 24 đại đội địch. Pháp buộc phải đưa 6 tiểu đoàn cơ động từ đồng bằng Bắc Bộ lên Điện Biên Phủ → ĐBP trở thành nơi tập trung quân thứ hai của Pháp.
- Đầu 12/1953 liên quân Lào-Việt tấn công vào Trung Lào, tiêu diệt 3 tiểu đoàn Âu-Phi, giải phóng 4 vạn km² đất và thị xã Thà Khẹt, uy hiếp Xavanakhet và Xê nô → Pháp tăng cường cho Xê nô thành nơi tập trung binh lực thứ 3.
- Cuối 1/1954, liên quân Lào-Việt tấn công Thượng Lào giải phóng lưu vực sông Nậm Hu và tỉnh Phongxali → Pháp tăng cường quân cho Luông Phabăng và Mường Sài thành nơi tập trung quân thứ 4.
- Đầu 2/1954 ta tấn công Bắc Tây Nguyên tiêu diệt 2000 tên, giải phóng Kontum, uy hiếp Plâyku → Pháp phải dừng cuộc tấn công đồng bằng Liên khu V, tăng cường quân cho Plâyku thành nơi tập trung quân thứ 5.
- Ở vùng sau lưng địch, chiến tranh du kích phát triển mạnh buộc địch phải phân tán thêm lực lượng để chống đỡ
↳ Kế hoạch Nava bước đầu phá sản.

3. Chiến dịch Điện Biên Phủ

* **Âm mưu và hành động của Pháp:** Xây dựng ĐBP thành 1 tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương.

- Tập trung binh lực lên đến 16.200 quân, gồm 49 cứ điểm, 2 sân bay
- Chia thành 3 phân khu: Phân khu Trung tâm, phân khu Bắc và phân khu Nam.
→ Với hệ thống phòng ngự kiên cố, ĐBP được coi là “ pháo đài bất khả xâm phạm” của Pháp – Mĩ.

* **Chủ trương và chuẩn bị của ta**

- 12/1953 BCT và TW Đảng quyết định mở chiến dịch ĐBP nhằm tiêu diệt địch, g/p vùng Tây Bắc, tạo đk g/p Bắc Lào.
- Huy động 4 đại đoàn bộ binh, 1 đại đoàn công pháo và nhiều tiểu đoàn khác tổng cộng 55.000 quân cùng nhiều vũ khí, đạn dược, lương thực, phương tiện vận tải...

* **Diễn biến chiến dịch**

- Đợt 1 (13 - 17/3/1954): ta tiêu diệt cụm cứ điểm Him Lam và phân khu Bắc tiêu diệt 2000 tên.
- Đợt 2 (30/3 - 26/4/1954): ta tấn công các cứ điểm phía Đông phân khu Trung tâm, chiếm phần lớn cứ điểm của địch, đồng thời khép chặt vòng vây xung quanh khu trung tâm, tiến sát sân bay Mường Thanh, cắt đứt đường tiếp tế bằng đường không của địch.

- Đợt 3 (1/5 – 7/5/1954): ta đồng loạt tấn công vào phân khu Trung tâm và phân khu Nam tiêu diệt các cứ điểm còn lại. Chiều 7/5 đánh vào Sở chỉ huy địch, đến 17h30' tướng Đờ Catxtori và ban tham mưu địch đầu hàng.

- Đồng thời, trên các chiến trường toàn quốc cũng đẩy mạnh đấu tranh tạo đk cho ĐBP giành thắng lợi.

*** Kết quả của cuộc tiến công Đông-Xuân 1953-1954 và chiến dịch ĐBP.**

- Loại khỏi vòng chiến đấu 128.200 địch, thu 19.000 súng, bắn phá 126 máy bay, 81 đại bác, giải phóng nhiều vùng trong cả nước.

- Tại ĐBP, ta loại 16.200 tên địch, hạ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh.

*** Ý nghĩa**

- Đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava.

- Giáng đòn quyết định làm xoay chuyển cục diện chiến tranh.

- Tạo điều kiện giành thắng lợi trên mặt trận ngoại giao.

VẤN ĐỀ 30: HIỆP ĐỊNH GIONEVO NĂM 1954 VỀ VIỆC LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

*** Hội nghị Giơnevơ**

- Lập trường của chúng ta là sẵn sàng thương lượng để giải quyết hòa bình vấn đề VN trên cơ sở độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.
- 1/1954 Hội nghị ngoại trưởng 4 nước: Liên Xô, Anh, Pháp, Mĩ quyết định triệu tập HN tại Giơnevơ để giải quyết vấn đề Triều Tiên và Đông Dương.
- 8/5/1954 HN Giơnevơ bắt đầu bàn về vấn đề Đông Dương. Phái đoàn của chính phủ ta tham dự hội nghị với tư thế đại biểu cho 1 dân tộc chiến thắng do đồng chí Phạm Văn Đồng đứng đầu.
- HN diễn ra gay gắt do lập trường ngoan cố và thiếu thiện chí của Pháp-Mĩ
- Do so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta và xu thế hòa giải của thế giới, đến 21/7/1954 HĐ Giơnevơ được kí kết.

*** Nội dung Hiệp định Giơnevơ**

- Các nước tham dự HN cam kết tôn trọng các quyền d/tộc cơ bản là độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân 3 nước Đông Dương, không can thiệp vào công việc nội bộ của 3 nước này.
- 2 bên thực hiện ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực, lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời.
- Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào 3 nước Đông Dương. Nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự ở Đông Dương. Các nước Đông Dương không được gia nhập những khối liên minh quân sự, không để cho nước khác dùng lãnh thổ của mình vào việc gây chiến tranh hoặc phục vụ mục đích xâm lược.
- VN tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào 7/1956.
- Trách nhiệm thi hành hiệp định thuộc về những người kí hiệp định và những người kế tục họ.

*** Ý nghĩa của hiệp định Giơnevơ**

- Là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Đông Dương.
- Đánh dấu thắng lợi của cuộc k/chiến chống Pháp xâm lược của nhân dân ta nhưng chưa trọn vẹn vì mới chỉ giải phóng được miền Bắc.

- Với HD này, Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút quân về nước. Mĩ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng và q/tế hóa chiến tranh xâm lược Đông Dương.

VẤN ĐỀ 31: NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

1. Nguyên nhân thắng lợi

- Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là chủ tịch HCM với đường lối chính trị, quân sự đúng đắn, sáng tạo: đường lối CM d/tộc, d/chủ tiến lên CMXHCN, kết hợp độc lập d/tộc với CNXH, kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa q/tế vô sản.
- Có đường lối kháng chiến đúng đắn: đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của q/tế.
- Nhân dân ta đoàn kết một lòng trong k/chiến, quyết tâm chiến đấu vì độc lập tự do, theo tinh thần: “thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”
- Xây dựng và củng cố được hệ thống chính quyền d/chủ nhân dân, có mặt trận d/tộc thống nhất, lực lượng vũ trang 3 thứ quân, hậu phương rộng lớn, vững chắc.
- Liên minh chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương. Sự đồng tình ủng hộ giúp đỡ của TQ, LX, các nước XHCN và các lực lượng tiến bộ t/giới.

2. Ý nghĩa lịch sử

- Buộc Pháp phải thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương.
- Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của TD Pháp trên đất nước ta.
- Bảo vệ được thành quả của CMT8, miền Bắc được g/p, chuyển sang giai đoạn CM XHCN.
- Giáng một đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa ĐQ, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, cổ vũ PTGPDT ở các nước Á-Phi-Mĩ Latinh.

LỊCH SỬ VIỆT NAM (1954-1975)

VẤN ĐỀ 32: TÌNH HÌNH VIỆT NAM SAU HIỆP ĐỊNH GIONEVO 1954 VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG THỜI KÌ MỚI

1. Tình hình nước ta sau Hiệp định Giơnevơ

- Ta nghiêm túc thực hiện hiệp định: tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực.
 - 10/10/1954 quân Pháp rút khỏi Hà Nội, quân ta vào tiếp quản Hà Nội.
 - 22/5/1955 Pháp rút khỏi Cát Bà, miền Bắc hoàn toàn g/p. Khi rút quân Pháp còn mang đi hoặc phá hỏng nhiều máy móc thiết bị, tài sản gây khó khăn cho ta. Chúng còn cùng Mĩ và bọn phản động Ngô Đình Diệm dụ dỗ nhiều đồng bào công giáo vào miền Nam.
 - Đến giữa tháng 5 năm 1956, Pháp rút quân khỏi miền Nam VN nhưng chưa thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Nam – Bắc VN.
 - Ở miền Nam, Mĩ thay chân Pháp dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm với âm mưu biến miền Nam VN thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự ở Đông Dương và Đông Nam Á.
 - Chính quyền Ngô Đình Diệm dưới sự chỉ đạo của Mĩ ra sức phá hoại Hiệp định Giơnevơ, từ chối Hiệp thương thống nhất đất nước. Ngô Đình Diệm còn tiến hành trưng cầu dân ý phé truất Bảo Đại, tổ chức bầu cử riêng rẽ, ban hành hiến pháp của Việt Nam Cộng hòa... để phá hoại việc thống nhất VN.
- Nước ta bị chia cắt thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau.

2. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

- Miền Bắc: CM d/tộc d/chủ ND đã căn bản hoàn thành, Đảng chủ trương chuyển sang làm CM XHCN. Trước mắt miền Bắc phải hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế đưa miền Bắc tiến lên CNXH, xây dựng miền Bắc thành hậu phương của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.
 - Miền Nam: vẫn còn ách thống trị của ĐQ nên tiếp tục CM d/tộc d/chủ ND nhằm g/p miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.
- Nhiệm vụ chung: kháng chiến chống Mĩ và tay sai, bảo vệ miền Bắc, g/p miền Nam, hoàn thành CM d/tộc d/chủ ND trong cả nước, thống nhất đất nước, đi lên CNXH.
- CM miền Bắc có vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của CM cả nước.
 - CM miền Nam có vai trò quyết định trực tiếp trong việc đánh đổ Mĩ và tay sai, g/p miền Nam thống nhất đất nước.

→ đây là mối quan hệ gắn bó giữa hậu phương và tiền tuyến có tác động qua lại, thúc đẩy lẫn nhau. Thắng lợi giành được ở mỗi miền cũng là thắng lợi chung của cả nước.

VẤN ĐỀ 34: MIỀN NAM ĐẤU TRANH CHỐNG CHẾ ĐỘ MĨ – DIỆM, CỨNG CỐ HÒA BÌNH TIẾN TỚI CUỘC ĐỒNG KHỞI (1954-1960)

1. Chế độ Mĩ-Diệm ở miền Nam

- Thông qua chính quyền và quân đội tay sai Mĩ thực hiện ý đồ biến miền nam VN thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, dùng miền Nam làm bàn đạp tấn công miền Bắc và ngăn chặn làn sóng cách mạng g/p d/tộc và cách mạng XHCN ở khu vực Đông Nam Á.
- Ngô Đình Diệm lên nắm quyền xây dựng một chính quyền độc tài, gia đình trị, thân Mĩ, chống lại nhân dân ta.
- 1954 chúng lập ra Đảng Cần lao nhân vị, tổ chức phong trào cách mạng quốc gia nhằm chống chống cộng (chống lực lượng cách mạng và nhân dân ta), đả thực (gạt hết quân Pháp) và bài phong (phế truất Bảo Đại).
- 1955 Ngô Đình Diệm mở chiến dịch tổ cộng diệt cộng, bắt bớ, tàn sát, bỏ tù những người kháng chiến cũ, những người có tư tưởng đấu tranh.
- Chúng còn thực hiện chương trình cải cách điền địa lấy lại ruộng đất của cách mạng đã giao cho nông dân, lập các khu dinh điền, khu trù mật nhằm bóc lột nhân dân, khống chế nhân dân và tách họ ra khỏi ảnh hưởng của cách mạng.
- Có những hành động chống nhân dân như: tàn sát ở chợ Được (Quảng Nam), đầu độc ở nhà giam Phú Lợi,

2. Đấu tranh chống chế độ Mĩ –Diệm, củng cố hòa bình

- Từ tháng 7/1954, nhận thức rõ đế quốc Mĩ là kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương, TW Đảng đã chuyển cuộc đấu tranh vũ trang chống Pháp trước đó sang đấu tranh chính trị chống Mĩ – Diệm, đòi thi hành hiệp định Giơnevơ, giữ gìn và phát triển lực lượng CM.
- Mở đầu là “ Phong trào hòa bình” của trí thức và các tầng lớp nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn (8/1954).
- 11/1954 Mĩ khủng bố, đàn áp nhưng phong trào vẫn phát triển mạnh lan rộng ra nhiều thành phố lớn, lôi cuốn nhiều tầng lớp nhân dân tham gia, hình thành mặt trận chống Mĩ – Diệm.
- Mục tiêu: đòi thi hành hiệp định Giơnevơ, hiệp thương tổng tuyển cử, chống “trung cầu dân ý”, chống “tổ cộng, diệt cộng”...
- Hình thức đấu tranh: từ đấu tranh hòa bình chuyển sang đấu tranh vũ trang tự vệ, dùng bạo lực CM, rồi khởi nghĩa giành chính quyền.

3. Phong trào “Đồng khởi” (1959-1960)

*** Hoàn cảnh bùng nổ phong trào**

- 1957-1959 Mĩ-Diệm mở rộng chiến dịch Tổ cộng, diệt cộng, tăng cường khủng bố đàn áp.

- 5/1957 Ngô Đình Diệm ra luật đặt cộng sản ngoài vòng pháp luật, ra luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam → CM miền Nam tổn thất nặng.

- 1/1959, HN 15 BCH TW Đảng chỉ rõ:

+ Con đường của cách mạng miền Nam là dùng bạo lực CM.

+ Phương pháp đấu tranh: đấu tranh chính trị là chủ yếu, kết hợp đấu tranh vũ trang.

* **Diễn biến**

Từ đầu 1959 các cuộc nổi dậy nổ ra lẻ tẻ ở các địa phương: Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận), Trà Bồng (Quảng Ngãi) sau đó lan rộng khắp miền Nam thành một cao trào.

- Tiêu biểu là “Đồng khởi” ở Bến Tre: 17/1/1960 phong trào nổ ra ở 3 xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh (Mỏ Cày) rồi lan ra toàn huyện Mỏ Cày và nhiều huyện khác.

- Quần chúng nhân dân với gậy gộc, giáo mác, súng ống các loại đã nổi dậy giải tán chính quyền địch, lập UB nhân dân tự quản và lực lượng vũ trang, tịch thu ruộng đất chia cho dân nghèo.

- Từ Bến Tre, PT Đồng khởi lan khắp Nam Bộ, Tây Nguyên và một số tỉnh Trung Trung Bộ.

* **Kết quả**

Cuối 1960 ta làm chủ được 600/1.298 xã Nam Bộ, 904/3.829 thôn ở Trung Trung Bộ, 3.200/5.721 thôn ở Tây Nguyên.

* **Ý nghĩa**

- Làm lung lay tận gốc chính quyền Mĩ-Diệm.

- Đánh dấu bước phát triển của CM miền Nam từ giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công.

- Từ trong pt, 20/112/1960 Mặt trận d/tộc g/p miền Nam VN ra đời tập hợp mọi tầng lớp yêu nước đứng lên chống Mĩ-Diệm.

VẤN ĐỀ 36: MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT CỦA MỸ (1961-1965)

1. Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”

- Hoàn cảnh ra đời chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”

+ Sau phong trào “Đồng khởi”, nhân dân miền Nam tiếp tục đấu tranh làm cho Mỹ

– Diệt lúng túng và gặp nhiều khó khăn.

+ Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới phát triển mạnh đe dọa hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

→ Tổng thống Mỹ Kennơđi đưa ra chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam.

- Khái niệm: “Chiến tranh đặc biệt” là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ, dựa vào vũ khí, kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ để chống lại CM và nhân dân ta.

- Âm mưu cơ bản: “Dùng người Việt đánh người Việt”.

- Thủ đoạn:

+ Tăng cường viện trợ quân sự cho Diệm, phát triển lực lượng cố vấn Mỹ, phương tiện chiến tranh và lực lượng quân đội Sài Gòn.

+ Lập Bộ chỉ huy quân sự Mỹ ở miền Nam.

+ Tiến hành dồn dân lập “Áp chiến lược” được coi là “quốc sách”, “xương sống” của “Chiến tranh đặc biệt”.

+ Sử dụng “trục thẳng vận” và “thiết xa vận”.

+ Quân đội Sài Gòn tiến hành hành quân càn quét tiêu diệt lực lượng CM ta.

+ Hoạt động phá hoại miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện cho chiến trường miền Nam.

- Mỹ thực hiện mục tiêu của chiến tranh đặc biệt qua 2 kế hoạch: kế hoạch Stalây – Taylo bình định miền Nam trong vòng 18 tháng (bắt đầu từ giữa năm 1961) và kế hoạch Giônxon-Mác Namara bình định miền Nam có trọng điểm trong vòng 2 năm (từ đầu 1964)

2. Nhân dân miền Nam chống “Chiến tranh đặc biệt”

* **Chủ trương**

- 1/1961 Trung ương cục miền Nam ra đời.

- 2/1961 các lực lượng vũ tranh CM được thống nhất thành quân giải phóng miền Nam.

- Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang. Tiến công địch bằng 3 mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận) trên cả 3 vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị)

*** *Đấu tranh chống phá áp chiến lược***

- Nhân dân ta phá áp chiến lược đi đôi với xây dựng làng chiến đấu.

- Đến cuối năm 1962 hơn ½ số áp với 70% nhân dân miền Nam vẫn do cách mạng kiểm soát.

- Đến 6/1965 “Áp chiến lược” bị phá sản, vùng g/p của ta ngày càng mở rộng.

*** *Phong trào đấu tranh chính trị*** ở những đô thị phát triển mạnh, nhất là ở Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, nổi bật là pt đấu tranh của các tín đồ Phật giáo (11/6/1963 hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối Diệm), của “đội quân tóc dài”.

*** *Mặt trận quân sự***

- 2/1/1963 chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho) đánh bại cuộc hành quân càn quét của hơn 2000 binh lính Sài Gòn với cố vấn, pháo binh, máy bay, xe tăng, xe bọc thép yểm trợ. Kết quả lợi 450 tên địch, bắn cháy 8 máy bay, 3 xe bọc thép. → chứng tỏ nhân dân miền Nam có thể đánh bại chiến tranh đặc biệt của Mĩ, làm dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”.

- 1/1/1963 Mĩ đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm, chính quyền Sài Gòn lâm vào khủng hoảng, tổng thống Giôn-xon đưa ra kế hoạch Giôn-xon-Mac Namara tăng cường hơn nữa vai trò của Mĩ trên chiến trường.

- 1964-1965 ta giành thắng lợi lớn ở Bình Giả (Bà Rịa – 2/12/1964), An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước) làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.

VẤN ĐỀ 37: MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH CỤC BỘ CỦA MỸ (1965-1968)

1. Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh cục bộ”

- Hoàn cảnh: Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” thất bại, Mỹ tiếp tục đẩy mạnh xâm lược miền Nam bằng “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Khái niệm: là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới được tiến hành lực lượng quân Mỹ, đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn, trong đó quân Mỹ giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên: cuối 1964 là 26000 tên, đến cuối 1967 là 537000 tên.

- Âm mưu của Mỹ: tiến hành chiến lược “tìm diệt” áp đảo quân chủ lực ta, giành lại thế chủ động buộc ta phân tán và lui về phòng ngự.

- Thủ đoạn của Mỹ:

+ Mở cuộc hành quân “tìm diệt” mang tên “Ánh sáng sao” vào căn cứ Vạn Tường (Quảng Ngãi).

+ Tiến hành hành quân “tìm diệt” và “bình định” trong hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967.

2. Nhân dân miền Nam chống chiến tranh cục bộ

a. Trên mặt trận quân sự

*** Chiến thắng Vạn Tường:**

- 18/8/1965 sau khi chiếm đóng Chu Lai, Mỹ huy động lực lượng 9000 quân cùng nhiều xe tăng, xe bọc thép và máy bay tấn công vào căn cứ Vạn Tường nhằm tiêu diệt đơn vị quân chủ lực của ta.

- Quân ta gồm 1 trung đoàn chủ lực, quân du kích và nhân dân địa phương sau 1 ngày chiến đấu đã đẩy lùi cuộc hành quân của địch, loại 900 tên và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

→ mở ra pt “Tìm Mỹ mà đánh, lòng Ngụy mà diệt”, chứng tỏ ta có khả năng đánh thắng “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

* **Mùa khô 1965-1966:** 72 vạn quân địch tiến hành 450 cuộc hành quân nhằm vào 2 hướng chính là Đông Nam Bộ và Liên khu V để “bẻ gãy xương sống Việt cộng”, giành lại thế chủ động.

→ ta loại 67.000 tên địch, bắn rơi 940 máy bay, phá hủy 600 xe tăng và xe bọc thép.

* **Mùa khô 1966-1967:** 98 vạn quân địch mở 895 cuộc hành quân, trong đó có 3 cuộc hành quân then chốt nhằm vào hướng chính là miền Đông Nam Bộ, lớn nhất là cuộc hành quân Gian-xon Xiti.

→ ta loại 151.000 tên địch, bắn rơi 1231 máy bay.

→ Kế hoạch “bình định” và “tìm diệt” phá sản.

b. Đấu tranh chính trị:

- Ở các vùng nông thôn, ta phá vỡ từng mảng lớn áp chiến lược của địch.

- Ở các thành thị, phong trào đấu tranh đòi tự do dân chủ, đòi Mỹ rút quân diễn ra sôi nổi.

- Vùng g/p được mở rộng, Mặt trận d/tộc g/p miền Nam VN ngày càng phát triển.

3. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968

a. Hoàn cảnh lịch sử:

- Sau thắng lợi trong hai mùa khô so sánh lực lượng có lợi cho ta.

- Lợi dụng chính quyền Mỹ đang mâu thuẫn trong bầu cử tổng thống.

→ Ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam nhằm tiêu diệt 1 bộ phận quan trọng quân Mỹ, đánh sập nguy quân nguy quyền, giành chính quyền về tay nhân dân, buộc Mỹ phải đàm phán với ta.

b. Diễn biến: diễn ra qua 3 đợt

- Đợt 1 từ đêm 30/1 đến 25/2. Mở đầu bằng cuộc tập kích chiến lược của ta vào hầu khắp các đô thị trong đêm 30 rạng 31/1/1968. Quân dân ta ở miền Nam đồng loạt tiến công và nổi dậy ở 37/44 tỉnh, 5/6 thành phố, hàng trăm thị trấn, hầu khắp các ấp chiến lược. Tại Sài Gòn ta tiến công vào các vị trí đầu não của địch như tòa đại sứ Mỹ, dinh Độc Lập, Bộ tổng tham mưu quân đội Sài Gòn, đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất...

→ Trong đợt 1 ta loại khỏi vòng chiến đấu 150000 địch (có 43.000 Mỹ), phá hủy khối lượng lớn vật chất và phương tiện chiến tranh của chúng.

- Đợt 2 (tháng 5 và tháng 6/1968) và đợt 3 (tháng 8 và tháng 9/1968) địch phản công, quân ta tổn thất lớn do chủ quan, đánh giá thấp lực lượng địch, nóng vội và chưa đánh giá đúng tình hình.

c. Ý nghĩa

- Mở ra bước ngoặt mới cho cuộc k/c chống Mỹ cứu nước.

- Làm lung lay ý chí xl của Mỹ → Mỹ phải tuyên bố “Phi Mỹ hóa” chiến tranh (tức là thừa nhận thất bại của chiến tranh cục bộ), chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc và chấp nhận đàm phán chấm dứt chiến tranh VN.

VẤN ĐỀ 39: MIỀN NAM CHIẾN ĐẤU CHỐNG “VN HÓA CHIẾN TRANH” CỦA MỸ (1969-1973)

1. Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”

- Hoàn cảnh: Sau khi “Chiến tranh cục bộ” thất bại, Mỹ đưa ra chiến lược “VN hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

- Khái niệm: “VNHCT” và “ĐDDHCT” là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu có sự phối hợp của lực lượng chiến đấu Mỹ, do cố vấn Mỹ chỉ huy, phối hợp với không quân, hỏa lực và hậu cần Mỹ.

- Âm mưu: Dùng người Việt đánh người Việt, người Đông Dương đánh người Đông Dương.

- Thủ đoạn:

+ Tăng cường viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền và quân đội Sài Gòn.

+ Tiến hành các cuộc hành quân mở rộng xl Lào và Campuchia, chiến tranh phá hoại miền Bắc lần 2.

+ Lợi dụng mâu thuẫn trong phong trào Cộng sản quốc tế, dùng thủ đoạn ngoại giao chia rẽ Liên Xô và Trung Quốc, nhằm hạn chế sự chi viện cho Việt Nam.

2. Nhân dân miền Nam chiến đấu chống “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”

*** Trên mặt trận chính trị**

- 6/6/1969 C/phủ CM lâm thời Cộng hòa miền Nam VN ra đời. Đây là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam được t/giới công nhận và ủng hộ.

- 24-25/4/1970 HN cấp cao 33 nước Việt Nam, Lào, CPC, khẳng định quyết tâm đoàn kết đánh Mỹ của 3 nước Đông Dương.

- PT đấu tranh chính trị của quần chúng nổ ra liên tục ở các đô thị và các vùng nông thôn. Đầu 1971 ta làm chủ 3600 ấp chiến lược, cấp 1,6 triệu ha RĐ cho nông dân.

*** Trên mặt trận quân sự**

- 30/4 - 30/6/1970 liên quân VN-CPC đập tan cuộc hành quân xâm lược Campuchia của 10 vạn quân địch, loại 17.000 tên địch, g/p 1 vùng rộng lớn với 4,5 triệu dân.

- Nửa đầu năm 1970 ta phối hợp với quân Lào đập tan cuộc hành quân lấn chiếm Cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng, giải phóng vùng rộng lớn ở Nam Lào.

- 12/2 - 23/3/1971 liên quân VN-Lào đánh bại cuộc hành quân “Lam Sơn-719” của địch, loại 22.000 tên địch, giữ vững hành lang chiến lược của CM Đông Dương.

3. Cuộc tiến công chiến lược năm 1972

- Sau thắng lợi từ 1969-1971 trên các mặt trận quân sự, chính trị, ta tiếp tục mở cuộc tổng tiến công chiến lược 1972.

- 30/3/1972 lợi dụng địch chủ quan sơ hở, phán đoán sai thời gian, qui mô và hướng tiến công của ta, ta tấn công Quảng Trị rồi phát triển rộng ra toàn miền Nam.

- Cuối 6/1972 ta chọc thủng 3 tuyến phòng thủ quan trọng của địch: Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 20 vạn quân Sài Gòn, giải phóng vùng đất đai rộng lớn và đông dân.

- Sau đó, địch phản công và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc → ta tổn thất.

→ Giáng 1 đòn mạnh mẽ vào quân đội Sài Gòn và quốc sách “bình định” của Mĩ, buộc Mĩ phải tuyên bố “Mĩ hóa” trở lại chiến tranh xâm lược VN (thừa nhận sự thất bại của VN hóa chiến tranh).

VẤN ĐỀ 41: ĐẤU TRANH VỚI MĨ TRÊN MẶT TRẬN NGOẠI GIAO, HIỆP ĐỊNH PARI VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VN

1. Hội nghị Pari

- Từ năm 1967, đấu tranh ngoại giao đã trở thành 1 mũi tiến công của ta nhằm tố cáo tội ác của xâm lược Mĩ, nêu tính chất chính nghĩa và lập trường đúng đắn của ta, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của dư luận quốc tế.

- Sau đòn bất ngờ trong Xuân Mậu Thân 1968 Mĩ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra và chấp nhận đàm phán với VN.

- 13/5/1968 cuộc đàm phán chính thức bắt đầu tại Pari giữa hai bên: Chính phủ VNDCCH và đại diện chính phủ Hoa Kỳ.

- HN 2 bên ở Pari trong năm 1968 vẫn chưa giải quyết được vấn đề gì cơ bản, nhưng mở đầu cho thời kì ta tấn công địch trực tiếp về ngoại giao.

- 1/11/1968 Mĩ tuyên bố ngừng ném bom bắn phá trên toàn miền Bắc. Sau đó cuộc đấu tranh ngoại giao giữa ta và Mĩ chủ yếu về hình thức và thành phần hội nghị. Cuối cùng đi đến thống nhất hình thức hội nghị 4 bên: VNDCCH, mặt trận d/tộc g/p miền Nam (sau là chính phủ CM lâm thời cộng hòa miền Nam VN), Hoa Kỳ và VN cộng hòa (chính quyền Sài Gòn). 25/1/1969 HN 4 bên họp phiên đầu tiên.

- Do lập trường của VN và Mĩ mâu thuẫn nhau nên HN diễn ra gay gắt, gián đoạn nhiều lần.

- Thắng lợi của ta trong trận “Điện Biên Phủ trên không” đã buộc Mỹ kí vào HĐ Pari do VNN đưa ra trước đó.
- 27/1/1973 đại diện 4 bên kí vào HĐ chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở VN.

2. Nội dung HĐ

- Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
- Hoa Kỳ và Đồng minh rút hết quân đội về nước, hủy bỏ các căn cứ quân sự, không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.
- Nhân dân miền Nam tự quyết định tương lai chính trị của mình qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.
- Các bên thừa nhận ở miền Nam VN có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát và 3 lực lượng c/trị.
- Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.
- Hoa Kỳ cam kết góp phần hàn gắn vết thương chiến tranh ở VN và Đông Dương, thiết lập quan hệ bình thường cùng có lợi với VN.

3. Ý nghĩa

- Là kết quả của quá trình đấu tranh trên các mặt trận: QS, CT, ngoại giao của cả 2 miền, mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Mỹ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, rút quân về nước → tạo thời cơ cho ta g/p hoàn toàn miền Nam.

VẤN ĐỀ 42: TÌNH HÌNH HAI MIỀN NAM – BẮC SAU HIỆP ĐỊNH PARI 1973

I. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh sản xuất, ra sức chi viện cho tiền tuyến

1. Hoàn cảnh lịch sử

Sau hiệp định Pari 1973, miền Bắc trở lại hòa bình. Mỹ phải rút khỏi miền Nam làm cho so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho cách mạng, miền Bắc có điều kiện thuận lợi để khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh sản xuất, ra sức chi viện cho tiền tuyến.

2. Kết quả

*** Trong khôi phục và phát triển kinh tế**

- Cuối 6/1973 hoàn thành tháo gỡ thủy lôi, bom mìn trên sông, trên biển.
- Sau 2 năm 1973-1974 cơ bản đã khôi phục lại KT-XH:
 - + Tổng sản phẩm xã hội tăng nhanh.
 - + 1974 sản lượng CN và TCN tăng 15% so với 1973.
 - + Sản lượng lúa đạt 5 triệu tấn (1973), 4,8 triệu tấn (1974)
- Cuối 1974 sản xuất CN, NN và một số mặt phát triển vượt bậc. Đời sống nhân dân ổn định.

*** Trong thực hiện nghĩa vụ hậu phương**

- 1973-1974 chi viện 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn, kỹ thuật cho miền Nam, Lào và Campuchia.
- Đầu 1975 đưa vào miền Nam 57.000 bộ đội.
- Chi viện cho chiến trường 26 vạn tấn vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, thuốc men, xăng dầu,...
- Trong 2 năm 1973-1974, ta mở rộng, nâng cấp tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam, đến đầu 1975, tuyến đường dài hơn 16.000 km.

3. Ý nghĩa

- Góp phần trực tiếp chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.
- Chuẩn bị cho việc tiếp quản vùng giải phóng khi chiến tranh kết thúc.

II. Miền Nam đấu tranh chống địch “bình định, lấn chiếm”, tạo thế và lực tiến tới cuộc tổng tiến công và nổi dậy

1. Âm mưu và hành động của Mỹ và chính quyền Sài Gòn sau HĐ Pari

- Mỹ: rút quân về nước nhưng lập Bộ chỉ huy quân sự, tiếp tục viện trợ KT, QS cho chính quyền Sài Gòn.

- Chính quyền Sài Gòn: được cố vấn Mỹ chỉ huy và nhận viện trợ của Mỹ ra sức phá hoại HĐ Paris, tiến hành “tràn ngập lãnh thổ”, hành quân “bình định-lấn chiếm” vùng giải phóng.

↳ Thực chất là tiếp tục chiến lược “VN hóa chiến tranh”

2. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam

- Sau Hiệp định Paris, quân Mỹ và Đồng minh rút quân về nước, so sánh lực lượng có lợi cho ta.

- Trước 7/1973 cuộc đấu tranh còn nhiều hạn chế, tổn thất.

- 7/1973 HN 21 của BCH TW Đảng xác định: nhiệm vụ của CM miền Nam là tiếp tục CM dân tộc dân chủ nhân dân bằng con đường CM bạo lực, nắm vững chiến lược phản công, đấu tranh trên 3 mặt trận: QS, CT, ngoại giao.

- Kết quả:

+ Về Q/Sự: kiên quyết đánh trả các cuộc hành quân bình định lấn chiếm của địch và chủ động tấn công căn cứ hành quân của địch, mở rộng vùng g/p. Cuối 1974-đầu 1975 mở chiến dịch QS ở ĐBSCL và Đông Nam Bộ, đỉnh cao là thắng lợi trên đường 14-Phước Long (6/1/1975) g/p đường 14 và tỉnh Phước Long. → Chứng tỏ khả năng thắng lợi của ta, sự suy yếu của quân đội ngụy Sài Gòn và khả năng can thiệp của Mỹ rất hạn chế.

+ về C/trị, ngoại giao: tố cáo hành động phá hoại HĐ Paris của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, đòi lật đổ chính quyền Sài Gòn, thực hiện tự do d/chủ.

+ Khôi phục và đẩy mạnh sản xuất trong vùng g/p, phát triển nguồn dự trữ.

VẤN ĐỀ 43: CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975 Ở MIỀN NAM

1. Chủ trương, kế hoạch giải phóng miền Nam

Cuối 1974-đầu 1975 tình hình có lợi cho ta:

- + Mĩ và Đồng minh rút quân về nước, so sánh lực lượng có lợi cho ta.
- + Ch/quyền và quân đội Sài Gòn ngày càng suy yếu.
- + Miền Bắc hòa bình ra sức chi viện cho miền Nam.
- + Chiến thắng trên đường 14 – Phước Long củng cố thêm quyết tâm kháng chiến của nhân dân ta.

→ Bộ Chính trị TW Đảng đề ra kế hoạch g/p hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975-1976:

- + Năm 1975 tranh thủ thời cơ tiến công địch trên qui mô lớn, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa g/p hoàn toàn miền Nam.
- + Đồng thời Bộ c/trị nhấn mạnh “cả năm 1975 là thời cơ”, “nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức g/p miền Nam trong năm 1975”.
- + Tranh thủ thời cơ đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại cho nhân dân.

2. Diễn biến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

a. Chiến dịch Tây Nguyên (từ ngày 4/3 đến ngày 24/3)

- Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng nhưng địch tương đối sơ hở → ta chọn làm hướng tiến công chủ yếu trong năm 1975.
- 4/3/1975 ta đánh nghi binh vào Plâyku và Kontum thu hút quân địch về đây.
- 10/3 ta tấn công và g/p Buôn Ma Thuột phá vỡ hệ thống phòng thủ Tây Nguyên của địch. 12/3 địch phản công chiếm lại Buôn Ma Thuột nhưng không thành.
- 14/3 địch rút khỏi Tây Nguyên về giữ duyên hải miền Trung.
- 16/3 ta chặn đánh và truy kích địch trên đường chúng rút khỏi Tây Nguyên. Đến 24/3 Tây Nguyên hoàn toàn g/p.

→ Ta chuyển sang Tổng tiến công chiến lược trên toàn miền Nam.

b. Chiến dịch Huế-Đà Nẵng (từ ngày 21/3 đến ngày 29/3)

- Nhận thấy thời cơ đến nhanh và thuận lợi, Bộ chính trị quyết định kế hoạch g/p miền Nam, trước tiên là g/p Huế-Đà Nẵng.
- Phát hiện địch co cụm ở Huế, 21/3 ta tấn công vào căn cứ địch ở Huế, chặn đường rút lui của chúng, bao vây địch trong thành phố.
- 25/3 ta tiến vào cố đô Huế, đến 26/3 giải phóng Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên.

- Đồng thời ta tiến vào g/p thị xã Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Chu Lai, uy hiếp Đà Nẵng từ phía Nam.

- Sau khi Huế được giải phóng, Đà Nẵng bị cô lập.

- 29/3 ta tiến thẳng vào thành phố Đà Nẵng, đến 3h chiều g/p hoàn toàn Đà Nẵng.

- Cuối tháng 3 - đầu tháng 4, các tỉnh ven biển miền Trung, Nam Tây Nguyên và 1 số tỉnh Nam Bộ nổi dậy giành quyền làm chủ.

c. Chiến dịch HCM (từ ngày 26/4 đến ngày 30/4)

- Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên và Huế-Đà Nẵng, Bộ C/trị nhận định “thời cơ chiến lược đã đến” và quyết định “g/p MN trước mùa mưa (trước tháng 5-1975)”. Chiến dịch g/p Sài Gòn mang tên chiến dịch HCM.

- Trước khi bắt đầu chiến dịch ta tiến công Xuân Lộc (9/4/1975) và Phan Rang (16/4/1975), chọc thủng tuyến bảo vệ Đông Sài Gòn.

- 18/4/1975 Mỹ ra lệnh di tản hết người Mỹ khỏi Sài Gòn. 21/4 Nguyễn Văn Thiệu từ chức.

- 17h 26/4/1975 chiến dịch bắt đầu, 5 cánh quân của ta vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch tiến vào Sài Gòn.

- Đêm 28 rạng 29/4/1975 ta tổng công kích vào trung tâm thành phố, chiếm các cơ quan đầu não của địch.

- 10h45' 30/4/1975 ta tiến vào dinh Độc Lập, bắt toàn bộ chính phủ Trung ương Sài Gòn, tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện.

- 11h30' 30/4/1975 cờ CM tung bay trên dinh Độc Lập, chiến dịch HCM toàn thắng.

- Sau đó, các tỉnh còn lại của MN tiếp tục nổi dậy, đến 2/5/1975 tỉnh cuối cùng được g/p.

VẤN ĐỀ 44: KẾT QUẢ, Ý NGHĨA L/SỬ, NGUYÊN NHÂN T/LỢI CỦA CUỘC K/CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC

1. Kết quả

- Đánh bại 4 chiến lược chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mĩ.
- Thực hiện trọn vẹn mục tiêu g/p h/toàn MN, bảo vệ vững chắc chế độ XHCN ở MB, thống nhất đất nước.

2. Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch HCM với:
 - + Đường lối quân sự đ/lập tự chủ, đúng đắn, sáng tạo: tiến hành đồng thời CM XHCN ở miền Bắc và CM DTDCND ở miền Nam.
 - + Phương pháp linh hoạt: kết hợp đấu tranh CT – QS – Ngoại giao.
- Truyền thống đoàn kết, yêu nước của d,tộc ta. Tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng CM là sức mạnh tinh thần to lớn của quân dân ta.
- Miền Bắc được bảo vệ vững chắc, đảm bảo thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn, đáp ứng được yêu cầu chi viện cho miền Nam.
- Sự phối hợp đoàn kết và liên minh chiến đấu của 3 nước Đông Dương.
- Sự ủng hộ giúp đỡ của các lực lượng CM, d/chủ và hòa bình t/giới.

2. Ý nghĩa lịch sử

*** Đối với Việt Nam**

- K/c chống Mĩ thắng lợi kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mĩ, 30 năm chiến tranh g/p d/tộc và b/vệ tổ quốc.
- Chấm dứt ách thống trị của CN thực dân-ĐQ trên đất nước ta.
- Hoàn thành CMD/tộc d/chủ ND, thống nhất đất nước.
- Mở ra kỉ nguyên đ/lập, thống nhất đi lên CNXH của CMVN.

*** Đối với nước Mĩ**

Đây là thất bại lớn và nặng nề chưa từng thấy trong lịch sử nước Mĩ. Thắng lợi của VN đã tác động mạnh đến tình hình nước Mĩ và cục diện t/giới.

*** Đối với thế giới**

- Đập tan cuộc phản kích của ĐQ Mĩ vào lực lượng CM, phá vỡ phòng tuyến ngăn chặn CNCS ở ĐNÁ.
- Góp phần làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản CM của Mĩ, thu hẹp và làm yếu đi hệ thống thuộc địa của CNĐQ.
- Cổ vũ PT CM t/giới, nhất là PT g/p d/tộc.

